

BÁO CÁO
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
5 NĂM 2021 - 2025 TỈNH HẢI DƯƠNG
(Trình HĐND tỉnh khóa XVI, kỳ họp thứ 15)

Thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021- 2025 và triển khai thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025, UBND tỉnh báo cáo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của tỉnh như sau:

Phần thứ nhất
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016-2020

Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 05/10/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVI về Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2016 - 2020 trong bối cảnh có những thuận lợi và khó khăn đan xen, song thuận lợi vẫn là cơ bản. Tình hình chính trị trong nước, trong tỉnh ổn định; các cấp chính quyền tỉnh quyết liệt chỉ đạo triển khai nhiều nhiệm vụ, giải pháp thực hiện các nghị quyết của Chính phủ về cải cách hành chính; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, cùng với những thành tựu của tỉnh đã đạt được sau 30 năm đổi mới đã có tác động tích cực, thúc đẩy sự phát triển toàn diện của tỉnh trong giai đoạn 2016-2020.

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản, tỉnh ta cũng đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức về thời tiết, dịch bệnh, nguồn lực đầu tư, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Đặc biệt, đại dịch Covid-19 bùng phát nhanh từ đầu năm 2020, có diễn biến phức tạp trên phạm vi toàn cầu, tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế và đời sống xã hội ở hầu hết các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Tác

động của dịch tả lợn châu Phi và đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đến kết quả thực hiện một số chỉ tiêu phát triển của tỉnh, nhất là tăng trưởng kinh tế, thu ngân sách nhà nước năm 2020 và việc thực hiện các chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm.

Phát huy những tiềm năng, lợi thế, khắc phục những khó khăn, giai đoạn 2016-2020 tỉnh ta đã giành được những kết quả quan trọng và khá toàn diện trên các lĩnh vực, đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức 13/18 chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch 5 năm đã đề ra (chi tiết có trong phụ lục). Kinh tế đạt mức tăng trưởng khá, cao hơn mức bình quân cả nước; quy mô và sức cạnh tranh của nền kinh tế được cải thiện; tái cơ cấu kinh tế tiếp tục được đẩy mạnh và đạt một số kết quả tích cực. Thu ngân sách và thu hút đầu tư đạt kết quả khá cao; từ năm 2017, tỉnh tự cân đối ngân sách và có một phần điều tiết về ngân sách Trung ương. Các đột phá chiến lược tiếp tục được quan tâm thực hiện và đạt kết quả tích cực, nhất là xây dựng hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng. Xây dựng và phát triển đô thị, nông thôn mới đạt kết quả nổi bật. Văn hóa - xã hội phát triển toàn diện, thực hiện tốt công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa; giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ, công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân đạt nhiều tiến bộ mới; quốc phòng - an ninh được củng cố và giữ vững; đời sống của nhân dân được nâng lên. Kết quả đạt được trên một số lĩnh vực chủ yếu như sau:

A. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRÊN CÁC LĨNH VỰC

I. LĨNH VỰC KINH TẾ

1. Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Kinh tế duy trì được đà tăng trưởng, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP - giá năm 2010) tăng bình quân 8,1%/năm¹ (KH: 8 - 8,5%), cao hơn giai đoạn 2011 - 2015 (7,7%) và cao hơn mức bình quân chung của cả nước; GRDP bình quân đầu người đạt 69,8 triệu đồng, tương đương khoảng 3.020 USD (đứng thứ 19 trong toàn quốc và đứng thứ 7 trong Vùng đồng bằng sông Hồng). Quy mô kinh tế gấp 1,6 lần so với năm 2015 (đứng thứ 11 trong toàn quốc và thứ 5 trong Vùng); tỷ lệ đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế tăng từ 35,2% (giai đoạn 2011-2015) lên 47,1% (giai đoạn 2016-2020).

Tái cơ cấu kinh tế được chú trọng thực hiện, cơ cấu kinh tế ngành chuyển dịch theo hướng tích cực, đến năm 2020 tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ chiếm 90,3% GRDP (năm 2015 chiếm 78%); mô hình tăng trưởng được chuyển dần dựa theo chiều sâu, trên cơ sở phát triển ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và khu vực dịch vụ. Cơ cấu lao động chuyển dịch khá rõ theo hướng tăng tỷ trọng

¹ Trong đó, giá trị tăng thêm khu vực Nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân 2,3%/năm, Công nghiệp - Xây dựng tăng 10,6%/năm, Dịch vụ tăng 6,0%/năm.

lao động trong khu vực phi nông nghiệp (tăng từ 64,9% năm 2015 lên 75% năm 2020). Cơ cấu đầu tư chuyển dịch tích cực, nguồn vốn đầu tư từ khu vực ngoài nhà nước tăng từ 80,6% (năm 2015) lên 87,1% (năm 2020), đặc biệt từ khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tăng mạnh (từ 18,7% lên 30,8%). Khu vực DNNN tiếp tục được cơ cấu lại, giai đoạn 2016-2020 đã hoàn thành cổ phần hóa 03 doanh nghiệp và chuyển đổi 03 đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần. Sau cổ phần hóa, cơ bản các doanh nghiệp hoạt động ổn định, một số doanh nghiệp đã đổi mới mô hình quản trị nội bộ, phát triển thị trường và có bước phát triển bền vững.

2. Thực hiện các đột phá chiến lược

Tiếp tục đẩy nhanh thực hiện các đột phá chiến lược về cải cách thể chế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và xây dựng kết cấu hạ tầng đạt được một số kết quả tích cực, nhất là về xây dựng kết cấu hạ tầng.

2.1. Về cải cách thể chế

Hoạt động xây dựng văn bản QPPL được thực hiện đồng bộ, thống nhất, tuân thủ các quy định và nâng cao về chất lượng, gắn với tăng cường hiệu lực, hiệu quả thi hành pháp luật. Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL được thực hiện nền nếp, có chất lượng, góp phần hiệu quả vào công tác quản lý nhà nước và phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo cải cách hành chính có nhiều đổi mới, sâu sát, quyết liệt. Cải cách TTHC gắn với thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông, thực hiện đơn giản hóa TTHC, quy trình giải quyết TTHC cùng với ứng dụng CNTT đã tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình giao dịch với cơ quan hành chính nhà nước. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từng bước được nâng lên.

2.2. Về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Đề án “Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2016 - 2020”. Thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại hệ thống các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp; nội dung, phương thức đào tạo được đổi mới một bước, cơ cấu đào tạo ngày càng hợp lý, gắn liền với xu thế và nhu cầu lao động của xã hội. Tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp chứng chỉ tăng từ 18,8% năm 2015 lên 23,9% năm 2020. Quan tâm thực hiện chính sách ưu đãi, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về công tác tại tỉnh với 789 trường hợp²; cử đi học tiến sĩ 10 người, thạc sĩ 249 người, 11 bác sĩ, dược sĩ chuyên khoa II. Thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ nâng

² Thực hiện chính sách ưu đãi đối với 31 người có trình độ tiến sĩ, 758 người có trình độ thạc sĩ.

cao chất lượng nguồn nhân lực về thể chất, văn hóa tinh thần, trình độ học vấn và kỹ năng, lý tưởng sống; chỉ số phát triển con người (HDI) của tỉnh tăng từ 0,703 năm 2015 lên 0,741 năm 2020 (cao hơn bình quân chung cả nước).

2.3. Về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng

Tập trung ưu tiên nguồn lực đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội và một số công trình lớn, công trình trọng điểm, công trình giao thông kết nối liên tỉnh³. Hạ tầng thiết yếu khu vực nông thôn như: Đường giao thông, công trình cấp nước sạch, công trình văn hóa, xã hội... được cải thiện rõ nét. Hạ tầng kỹ thuật ở các đô thị, nhất là các thành phố Hải Dương, Chí Linh và thị xã Kinh Môn được đầu tư nâng cấp; hạ tầng kỹ thuật của các khu công nghiệp cơ bản được đầu tư hoàn thiện, đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi thu hút các nhà đầu tư. Các công trình, dự án trọng điểm được tập trung đầu tư tạo động lực mới cho phát triển như: Hoàn thành giai đoạn 1 Đường trục Bắc - Nam tỉnh, Trung tâm văn hóa xứ Đông và Quảng trường Hải Dương, đường dẫn Cầu Hàn nối Quốc lộ 37, đường 62 m từ Cầu Lộ Cương đến nút giao cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, Cầu Mây, đường dẫn Cầu Triều. Triển khai thủ tục và tập trung thu hút đầu tư Dự án phát triển khu du lịch, dịch vụ sinh thái và nghỉ dưỡng Bến tắm, du lịch sinh thái Sông Hương, Trung tâm dịch vụ thương mại phức hợp thành phố Hải Dương...

3. Phát triển các ngành, lĩnh vực

3.1. Nông nghiệp và phát triển nông thôn

Sản xuất nông nghiệp phát triển ổn định, chuyển mạnh sang mô hình sản xuất hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao, chất lượng, hiệu quả được nâng lên. GTSX Nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân 2,3%/năm⁴. Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2020 đạt 164 triệu đồng (tăng 31 triệu đồng so với năm 2015), vượt kế hoạch đề ra (KH: 150 triệu đồng).

Duy trì ổn định sản xuất lúa gạo với diện tích trên 113 nghìn ha, năng suất, chất lượng được nâng lên, đảm bảo an ninh lương thực. Sản xuất rau màu được mở rộng về diện tích, chủng loại và thị trường tiêu thụ, diện tích rau các

³ Như: Dự án Cầu Triều và đường dẫn nối QL18 (thị xã Đông Triều) với đường tỉnh 398B (thị xã Kinh Môn); Dự án xây dựng Cầu Dinh kết nối QL17B, đường tỉnh 389 (huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương) với đường tỉnh 352 (huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng); Dự án xây dựng Cầu Quang Thanh kết nối đường tỉnh 390 (huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương) với đường tỉnh 360 (huyện An Lão, thành phố Hải Phòng); Dự án kết nối đường trục trung tâm đô thị Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên đến QL38.

⁴ - Trong đó GTSX nông nghiệp tăng 1,8%/năm, lâm nghiệp tăng 5,6%/năm, thủy sản tăng 6,5%/năm.

loại năm 2020 đạt 30.410 ha (tăng 1.565 ha so với năm 2015). Diện tích cây ăn quả cơ bản ổn định ở mức 21.000 ha, trong đó diện tích vải quả 9.850 ha, giảm 825 ha so với năm 2015.

Chăn nuôi có bước phát triển khá, chuyển dịch theo hướng tập trung, đến cuối năm 2020 toàn tỉnh có 15 khu chăn nuôi hàng hóa xa khu dân cư với quy mô từ 3 ha trở lên. Diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 11.950 ha, tăng 1.103 ha, sản lượng thủy sản đạt 87.445 tấn, tăng trên 20.000 tấn so với năm 2015.

Tái cơ cấu ngành nông nghiệp được đẩy mạnh, tăng tỷ trọng giá trị chăn nuôi - thủy sản, giảm tỷ trọng giá trị trồng trọt - lâm nghiệp. Sản xuất chuyển mạnh sang mô hình tập trung, ứng dụng tiến bộ mới trong sản xuất⁵. Lĩnh vực bảo quản, chế biến nông sản của tỉnh đã có bước phát triển tích cực, góp phần thúc đẩy tiêu thụ, nâng cao giá trị sản phẩm. Công tác xúc tiến thương mại tiêu thụ nông sản được tăng cường, nâng cao về hiệu quả; một số sản phẩm nông nghiệp xây dựng được thương hiệu, mở rộng thị trường tiêu thụ. Cơ giới hóa trong sản xuất được đẩy mạnh và thực hiện ở hầu hết các khâu. Công tác khuyến nông; công tác quản lý giống, vật tư nông nghiệp, quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm được tăng cường, nâng cao về chất lượng.

Công tác quản lý và bảo vệ rừng, quản lý đê điều và thủy lợi được quan tâm thực hiện: Tăng cường công tác bảo vệ rừng; kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi xâm hại rừng, chuyển đổi, sử dụng đất lâm nghiệp sai mục đích, buôn bán, vận chuyển lâm sản trái phép; thực hiện tốt công tác phòng chống lũ, bão, úng, hạn, công tác ứng phó với thiên tai.

Phong trào xây dựng nông thôn mới đã được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo thực hiện, tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng nông thôn và nâng cao đời sống cho nhân dân. Trong giai đoạn 2016- 2020 huy động 25.180 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách 8.285 tỷ đồng cho xây dựng nông thôn mới, tỷ lệ xã được công nhận xã nông thôn mới đến cuối năm 2020 đạt 100% (KH 80%). 12/12 địa phương cấp huyện hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Bộ mặt nông thôn thay đổi rõ rệt, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu ở cấp xã được đầu tư xây dựng, nâng cấp khá đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất; thu nhập và đời sống của người dân khu vực nông thôn được nâng lên.

3.2. Công nghiệp, xây dựng

⁵ - Đến năm 2020 có trên 17.000 ha rau sản xuất theo quy trình GAP, có 23 ha nhà màng, nhà lưới; 13 vùng trồng vải được cấp mã số vùng trồng vải đủ tiêu chuẩn xuất khẩu với diện tích 131,68 ha. toàn tỉnh có 15 khu chăn nuôi hàng hóa xa khu dân cư, 76 cơ sở chăn nuôi được chứng nhận VietGAP và chứng nhận đủ điều kiện ATTP. Toàn tỉnh có 6.189 lồng nuôi cá trên sông, tăng 4.756 lồng so với năm 2015.

Công nghiệp phát triển khá nhanh, GTSX tăng bình quân đạt 15,4%/năm, cao hơn giai đoạn trước (13,7%/năm). Cơ cấu ngành công nghiệp chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo (tỷ trọng công nghiệp chế biến đến năm 2020 chiếm 96,7%; năm 2015 chiếm 92,9%). Một số sản phẩm, nhóm sản phẩm chủ lực duy trì được sản lượng sản xuất ổn định và tăng khá cao như: may mặc tăng 16,7%/năm, giày dép tăng 17,2%/năm, thép tăng 12,5%/năm, mạch điện tử tăng 17,3%/năm... Tiểu thủ công nghiệp, làng nghề có bước phát triển về chiều sâu, sản phẩm khá đa dạng, toàn tỉnh có 65 làng nghề với 11 nhóm ngành, nghề TTCN⁶.

Xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ, bước đầu hình thành và phát triển một số ngành công nghiệp phụ trợ trên địa bàn tỉnh. Tập trung phát triển và thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đến nay toàn tỉnh có 10 khu công nghiệp đã được đầu tư hạ tầng đồng bộ (tỷ lệ lấp đầy bình quân đạt 81,6%); có 38 cụm công nghiệp được thành lập (tỷ lệ lấp đầy bình quân đạt 68,6%), trong đó 8 cụm công nghiệp đã có nhà đầu tư hạ tầng. Hoạt động khuyến công được đổi mới, nâng cao về hiệu quả, đã thực hiện 78 đề án khuyến công với kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước. Tổ chức 02 đợt bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cho 80 sản phẩm của 52 cơ sở.

Giá trị sản xuất xây dựng tăng 10,3% năm, cao hơn giai đoạn trước (9,5%/năm); tiếp tục giữ ổn định, phát huy công suất các cơ sở sản xuất VLXD lớn như: Xi măng, gốm xây dựng, gạch ốp lát, vật liệu xây; một số cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng (gạch Tuy nen, gạch ốp lát...) đã hoàn thành đầu tư đi vào hoạt động...

3.3. Dịch vụ

Khu vực dịch vụ tiếp tục phát triển đa dạng, GTSX tăng bình quân 6%/năm (giai đoạn 2011-2015 tăng 7%/năm), đã có những đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế tỉnh. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng xã hội tăng 9,3%/năm. Một số loại hình dịch vụ được khuyến khích thu hút đầu tư và phát triển đa dạng, một số loại hình dịch vụ chất lượng cao và tiện ích được hình thành; chất lượng được nâng lên⁷.

⁶- Làng nghề truyền thống của tỉnh phát triển rất sớm và nổi tiếng cả nước như: gỗ mỹ nghệ Đông Giao, rượu Phú Lộc (Cẩm Giàng); vàng, bạc Châu Khê, gốm sứ Cậy (Bình Giang); mệ Cúc Bồ, bánh gai (Ninh Giang); thêu ren Xuân Nẻo (Tứ Kỳ); gốm sứ Chu Đậu (Nam Sách),...

⁷ Các lĩnh vực như: dịch vụ vận tải - kho bãi, thông tin truyền thông, du lịch, ngân hàng, dịch vụ giáo dục, chăm sóc sức khỏe thẩm mỹ...

Hoạt động xuất khẩu hàng hóa tăng khá, tổng giá trị đạt trên 31,8 tỷ USD, tăng bình quân 12,5%/năm (KH: 15%), tổng giá trị hàng hóa nhập khẩu đạt 28,3 tỷ USD, tăng bình quân 10,3%/năm. Công tác quản lý thị trường, quản lý giá cả được tăng cường; tập trung kiểm tra, kiểm soát chống vận chuyển và kinh doanh hàng cấm, hàng nhập lậu, gian lận thương mại; thị trường hàng hóa và dịch vụ được kiểm soát, không có biến động tiêu cực.

Du lịch tiếp tục phát triển, hệ thống cơ sở hạ tầng từng bước được đầu tư⁸. Hình thành một số sản phẩm du lịch đặc thù của tỉnh như: Du lịch văn hóa, nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa tâm linh. Một số tuyến du lịch liên tỉnh tiêu biểu đã được xây dựng và khai thác. Số lượt khách đến tỉnh tăng bình quân 8,4%/năm, doanh thu dịch vụ du lịch tăng bình quân 10,2%/năm.

Chất lượng nhân lực, chất lượng dịch vụ ở một số ngành như: Ngân hàng, du lịch, giáo dục, vận tải,... được cải thiện khá rõ. Các biện pháp khuyến khích phát triển các loại hình dịch vụ chất lượng cao được chú trọng triển khai, đạt kết quả bước đầu..

4. Huy động vốn đầu tư phát triển

Công tác cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh được quan tâm chỉ đạo thực hiện, đạt tiến bộ trên một số mặt. Chú trọng khuyến khích thu hút các nguồn vốn cho đầu tư phát triển; huy động vốn đầu tư phát triển đạt kết quả khá, tỷ lệ vốn đầu tư phát triển/GRDP đạt 36,9%, vượt kế hoạch đề ra (KH 32%). Tổng vốn đầu tư xã hội giai đoạn 2016-2020 đạt 208.455 tỷ đồng, tăng bình quân 13,8%/năm, cao hơn nhiều so với giai đoạn 2011-2015 (6,1%/năm), trong đó: vốn đầu tư từ khu vực nhà nước đạt 26.394 tỷ đồng (tăng 4,9%/năm), khu vực ngoài nhà nước 121.293 tỷ đồng (tăng 11,6%/năm), khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 60.768 tỷ đồng (tăng 25,8%/năm).); cơ cấu vốn đầu tư được chuyển dịch theo hướng tăng tỷ lệ huy động các nguồn vốn xã hội hóa và vốn đầu tư nước ngoài; vốn ngân sách nhà nước tập trung đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội. Thực hiện tốt công tác thoái vốn tại doanh nghiệp có vốn nhà nước, tạo kênh huy động vốn đầu tư từ khu vực dân doanh trong phát triển kinh tế.

Việc bố trí vốn đầu tư và thu hút vốn đầu tư vào các ngành, lĩnh vực được chú trọng theo hướng ưu tiên cho đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế, phát triển các lĩnh vực có lợi thế, đầu tư phát triển sản phẩm công nghiệp có giá trị gia tăng cao và các lĩnh vực dịch vụ có lợi thế. Công tác quản lý nhà nước về đầu tư

⁸ - Đến năm 2020, trên địa bàn toàn tỉnh có trên 162 cơ sở lưu trú, với gần 5.000 phòng nghỉ, trong đó có 01 khách sạn hạng 4 sao, 04 khách sạn hạng 3 sao, 13 khách sạn hạng 2 sao, 6 khách sạn hạng 1 sao; 21 cơ sở lưu trú đủ điều kiện phục vụ khách du lịch.

được tăng cường, từng bước hoàn thiện các quy định trong quản lý đầu tư, hiệu quả đầu tư được nâng lên⁹.

Hoạt động liên kết phát triển vùng và hội nhập kinh tế quốc tế được coi trọng, đạt nhiều kết quả tích cực, nhất là liên kết triển khai các dự án hạ tầng giao thông kết nối khu vực vùng Đồng Bằng Sông Hồng, liên kết trong xúc tiến thương mại và tiêu thụ nông sản hàng hóa, kết nối tour, tuyến du lịch.

5. Hoạt động tài chính, ngân hàng

5.1. Thu, chi ngân sách

Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại NSNN, tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách; tăng cường quản lý thu ngân sách; tập trung rà soát, thực hiện đồng bộ các biện pháp chống thất thu, buôn lậu, gian lận thương mại, chống chuyển giá, trốn lậu thuế. Tổng thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 đạt 79.527 tỷ đồng (tăng 12,5% so với dự toán), trong đó thu nội địa 63.799 tỷ đồng (đứng thứ 6 trong Vùng đồng bằng sông Hồng), tăng bình quân 11,7%/năm (KH: 10%). Từ năm 2017, Hải Dương là một trong 16 tỉnh, thành phố tự cân đối thu chi và có một phần điều tiết về ngân sách Trung ương. Công tác quản lý tài chính ngân sách được thực hiện tốt, triển khai có hiệu quả các giải pháp thực hiện nhiệm vụ tự cân đối ngân sách theo quyết định của Trung ương. Từng bước hoàn thiện các quy định về quản lý chi tiêu ngân sách các cấp, góp phần quản lý chi ngân sách tiết kiệm, hiệu quả. Cơ bản đảm bảo các khoản chi phục vụ con người và chi thực hiện các nhiệm vụ chính trị của tỉnh, chi đầu tư phát triển, thực hiện các đề án, dự án trọng điểm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI (đã cân đối chi 1.372 tỷ đồng từ ngân sách địa phương cho các đề án, dự án trọng điểm); chi hỗ trợ cho các đối tượng bị thiệt hại do dịch tả lợn châu phi, các đối tượng ảnh hưởng do dịch Covid-19 theo quy định của Chính phủ.

5.2. Hoạt động tín dụng, ngân hàng

Tiếp tục thực hiện tốt quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và hoạt động ngoại hối trên địa bàn. Tổ chức triển khai các chương trình, chính sách tín dụng theo chỉ đạo của Chính phủ. Cân đối nguồn vốn, đáp ứng nhu cầu đầu tư tín dụng cho phát triển kinh tế địa phương. Đẩy mạnh cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng, kiểm soát và nâng cao chất lượng tín dụng gắn với tăng cường xử lý nợ xấu, đảm bảo duy trì tỷ lệ nợ xấu ở mức an toàn bền vững. Bình quân 5 năm nguồn vốn tăng trưởng 17,3%, dư nợ tăng trưởng 12,8%, tỷ lệ nợ xấu nội bảng luôn dưới 2% tổng dư nợ.

Phát triển toàn diện hệ thống ngân hàng theo hướng đa năng, hiện đại; tiếp tục đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng; hiện đại hóa các dịch vụ

⁹ - Hệ số ICOR đạt 5,8 (cứ 5,8 đồng vốn đầu tư sẽ tạo ra 1 đồng tăng trưởng),

truyền thông, đặc biệt là dịch vụ huy động vốn, cấp tín dụng, dịch vụ thanh toán. Phát triển các sản phẩm dịch vụ mới, hiện đại, phù hợp với thực tiễn và nhu cầu của khách hàng. Đẩy mạnh thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính để tạo thuận lợi cho khách hàng tiếp cận với các dịch vụ ngân hàng.

6. Phát triển các thành phần kinh tế

Các thành phần kinh tế được quan tâm, tạo môi trường bình đẳng để phát triển. Kinh tế ngoài nhà nước và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã trở thành động lực chính cho phát triển. Kinh tế ngoài nhà nước có bước phát triển mạnh mẽ, tăng bình quân 7,4%/năm (giai đoạn 2011- 2015 tăng bình quân 1,9%/năm); kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng bình quân 12,0%/năm, đến năm 2020 có 475 doanh nghiệp FDI đang hoạt động (tổng vốn đầu tư 8,9 tỷ USD), tiếp tục đi đầu trong sản xuất sản phẩm công nghệ cao, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh (thu hút vốn đầu tư FDI trên địa bàn tỉnh đứng thứ 4 trong Vùng và thứ 11 trong toàn quốc). Đến năm 2020, tỷ trọng kinh tế nhà nước chiếm 12,9%, kinh tế ngoài nhà nước chiếm 56,3%, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 30,8% kinh tế tỉnh (năm 2015 tỷ trọng tương ứng: 19,4% - 61,9% - 18,7%).

Quan tâm khuyến khích thành lập mới doanh nghiệp và hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Ban hành và triển khai thực hiện chính sách của tỉnh hỗ trợ đăng ký thành lập mới doanh nghiệp giai đoạn 2019- 2022. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các đề án, kế hoạch hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp xuất khẩu vè: Vay vốn tín dụng, xúc tiến thương mại, hỗ trợ pháp lý, bảo hộ sở hữu công nghiệp... Khu vực doanh nghiệp dân doanh có bước phát triển khá cả về số lượng, quy mô vốn sản xuất, trong 5 năm có 7.661 doanh nghiệp thành lập mới, tăng bình quân 10,2%/năm, vốn đăng ký tăng 21,8%/năm, đóng góp quan trọng vào phát triển của tỉnh, giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập của người lao động; hiệu quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, trình độ, kinh nghiệm quản trị doanh nghiệp của đội ngũ doanh nhân được nâng lên.

7. Công tác quy hoạch, quản lý và thực hiện quy hoạch, phát triển đô thị

Công tác lập, quản lý và thực hiện quy hoạch có bước tiến bộ. Kịp thời lập, rà soát, điều chỉnh và triển khai quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực; triển khai lập Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Luật Quy hoạch.

Đã cơ bản thực hiện phủ kín quy hoạch xây dựng cho cả khu vực đô thị và nông thôn, đảm bảo tính đồng bộ, kết nối và định hướng phát triển. Nhiều công

trình, dự án, khu đô thị, khu dân cư được triển khai thực hiện làm thay đổi diện mạo đô thị, nông thôn..

Công tác quản lý, đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, nông thôn được tăng cường, ban hành nhiều văn bản quy định quản lý trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật. Việc đầu tư hệ thống hạ tầng thiết yếu cho người dân như cấp nước sạch, giao thông đô thị, nông thôn được quan tâm thực hiện, góp phần nâng cao chất lượng sống cho người dân. Từng bước kiểm soát các dự án phát triển nhà ở, phát triển đô thị theo hướng phát triển bền vững, văn minh, hiện đại.

Công tác nâng cấp, phát triển đô thị đạt kết quả nổi bật, đã hình thành một số khu đô thị mới hiện đại, có thiết kế đồng bộ. Hoàn thành việc điều chỉnh địa giới hành chính và nâng cấp thành phố Hải Dương lên đô thị loại I, thị xã Chí Linh đạt đô thị loại III và trở thành thành phố, huyện Kinh Môn đạt đô thị loại IV và trở thành thị xã. Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt 32,2% (KH 33 - 35%). Công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng đã được chú trọng thực hiện.

II. LĨNH VỰC VĂN HÓA, XÃ HỘI

1. Giáo dục và đào tạo

Sự nghiệp giáo dục và đào tạo tiếp tục được quan tâm chăm lo, đạt kết quả khá toàn diện. Cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ việc dạy và học được đầu tư, xây dựng theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá và đồng bộ. Tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 99,5%, tăng 5% so với năm 2015; hạ tầng công nghệ thông tin được nâng cấp, cải thiện; tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 75,3%¹⁰ (tăng 22,6%, cao hơn tỷ lệ chung toàn quốc, KH 67%). Đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư cơ sở vật chất cho giáo dục, đặc biệt là các trường mầm non ngoài công lập. Chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục ngày một nâng cao.

Mạng lưới trường, lớp được quy hoạch, sắp xếp ngày càng phù hợp, gắn liền với thực hiện chủ trương thu gọn đầu mối các đơn vị sự nghiệp công lập, đảm bảo đáp ứng sự tăng mạnh về quy mô học sinh cũng như nhu cầu học tập phong phú của nhân dân và thực hiện mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, xây dựng xã hội học tập ở địa phương.

Công tác phổ cập, xóa mù chữ tiếp tục được quan tâm thực hiện, là tỉnh đi đầu cả nước về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi đến trường ở các cấp, bậc học tăng. Chất lượng chăm sóc, nuôi dạy trẻ mầm non có tiến bộ rõ nét với nhiều tiêu chí đạt cao, vượt trội so với toàn quốc. Chất lượng giáo dục toàn diện được giữ vững, thành tích học sinh giỏi quốc gia trong

¹⁰ Trong đó: Mầm non 61,4% (tăng 34,8%); Tiểu học 96,1% (tăng 8,3%); THCS 89,8% (tăng 31,06%); THPT 63,5% (tăng 27,7%).

tóp đầu cả nước¹¹; chú trọng nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, tin học, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, góp phần tích cực nâng cao số lượng, chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh. Công tác hướng nghiệp, dạy nghề bước đầu có chuyển biến tích cực. Quản lý nhà nước về giáo dục được tăng cường; thực hiện tốt công tác kiểm định chất lượng giáo dục.

2. Công tác y tế, dân số

Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân có tiến bộ. Xã hội hội hóa hoạt động y tế đạt kết quả tích cực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, kỹ thuật hiện đại phục vụ việc khám, chữa bệnh đã được đầu tư, áp dụng. Hệ thống mạng lưới sản xuất, kinh doanh thuốc phát triển mạnh với nhiều loại hình. Cơ bản thực hiện chuyển đổi cơ chế quản lý tài chính sang mô hình tự chủ đối với các bệnh viện tuyến tỉnh; giảm số lượng các đơn vị đầu mối sự nghiệp công lập ngành y từ 54 xuống còn 27 đơn vị; giảm số lượng các khoa, phòng thuộc đơn vị sự nghiệp từ 275 xuống còn 198 (*giảm 77 khoa, phòng*); nâng cấp Trường Trung cấp Y tế thành Trường Cao đẳng Y tế trực thuộc UBND tỉnh Hải Dương; cơ sở vật chất, trang thiết bị, kỹ thuật hiện đại phục vụ việc khám, chữa bệnh không ngừng được đầu tư, áp dụng.

Công tác y tế dự phòng triển khai có hiệu quả; công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm được chú trọng, các vụ ngộ độc thực phẩm đông người mắc giảm dần qua các năm.

Đại dịch Covid-19 đã có những diễn biến phức tạp trên toàn thế giới, trong năm 2020 đã có thời điểm diễn biến phức tạp trên phạm vi cả nước và trên địa bàn tỉnh. Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện quyết liệt, kịp thời, đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp phòng, chống dịch; cả hệ thống chính trị, người dân, doanh nghiệp đã tích cực vào cuộc; tập trung tuyên truyền, thực hiện các biện pháp giãn cách xã hội, khoanh vùng dập dịch, sàng lọc bệnh nhân, xét nghiệm, điều trị để đảm bảo giảm thiểu lây nhiễm; đầu tư mua trang thiết bị, vật tư y tế, huy động được nhiều nguồn lực của người dân, doanh nghiệp và các tổ chức tham gia phòng chống dịch đã góp phần quan trọng thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống dịch. Hiện nay tình hình dịch đã được kiểm soát tốt trên địa bàn tỉnh, không có ca tử vong do dịch.

Thực hiện đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh; nâng cao năng lực điều trị cho các tuyến; cơ hội tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng cao của người dân ngày càng thuận lợi; các chỉ tiêu về sức khỏe không ngừng được tăng lên, nhiều chỉ số cao

¹¹ Học sinh giỏi quốc gia 2015-2020: có 355/490 học sinh dự thi có đạt giải, tỉ lệ đạt giải trung bình các năm đạt 72,4%, cao hơn tỉ lệ chung toàn quốc với tổng số 13 giải Nhất, 84 giải Nhì, 118 giải Ba và 140 giải Khuyến khích.

hơn so với mặt bằng chung của toàn quốc¹². Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế tăng từ 78,5% lên 90,5%; số bác sĩ/vạn dân từ 7,9 tăng lên 9,3 bác sĩ (KH 9 bác sĩ); tỷ lệ trạm y tế xã có bác sĩ làm việc từ 76,6% tăng lên 85,7%; số giường bệnh (không tính giường trạm y tế xã) trên 1 vạn dân từ 25,5 giường tăng lên 31,2 giường (KH 30 giường). Quản lý nhà nước về y tế được tăng cường, thực hiện công tác quản lý hoạt động của các cơ sở khám chữa bệnh, kinh doanh được phẩm tư nhân ngày càng chặt chẽ theo quy định của pháp luật.

Công tác dân số - KHHGD được triển khai tích cực, góp phần kiềm chế tốc độ gia tăng dân số, từng bước khắc phục chênh lệch giới tính khi sinh, cải thiện chất lượng dân số.

3. Văn hoá, thể thao

Công tác tuyên truyền cổ động và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ kỷ niệm các ngày lễ lớn và các sự kiện chính trị được quan tâm triển khai thực hiện. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với phong trào “Xây dựng nông thôn mới” tiếp tục được phát triển cả bề rộng lẫn chiều sâu góp phần xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở lành mạnh, xây dựng nếp sống văn minh, đẩy lùi các tệ nạn xã hội. Việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, quản lý lễ hội từng bước đi vào nền nếp. Công tác quản lý và tổ chức lễ hội có chuyển biến rõ nét. Hoạt động văn học nghệ thuật có bước phát triển, hoạt động biểu diễn nghệ thuật, mỹ thuật, điện ảnh, triển lãm tiếp tục duy trì, phát triển, ngày càng đổi mới và nâng cao chất lượng. Công tác bảo tồn, phát huy di sản văn hóa được chú trọng¹³; quần thể An Phụ - Kính Chủ - Nhâm Dương, cụm di tích Văn miếu Mao Điền, cụm di tích Đền Xưa - Chùa Giám - Đền Bia được công nhận di tích quốc gia đặc biệt; huy động nguồn xã hội hóa cao trong trùng tu, tôn tạo các di tích.

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh từng bước được đầu tư xây dựng, nâng cấp, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hoá, tập luyện thể dục, thể thao của nhân dân.

Phong trào thể dục thể thao quần chúng được duy trì và có bước phát triển. Thể thao thành tích cao luôn duy trì trong топ 10 tỉnh, thành, ngành có thành tích thể thao mạnh nhất cả nước qua các kỳ đại hội; nhiều vận động viên

¹² Tuổi thọ trung bình tăng từ 74,5 tuổi (năm 2015) lên 75 tuổi vào năm 2020 (toàn quốc 73,8); tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ước giảm từ 11,7% xuống 10,2% (toàn quốc 12%).

¹³ - Giai đoạn 2016-2020 đã đầu tư trùng tu, tôn tạo, tu bổ 53 di tích với tổng kinh phí 9 tỷ 600 triệu đồng. Lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền công nhận 5 hiện vật, nhóm hiện vật là bảo vật quốc gia; 03 di tích, cụm di tích quốc gia đặc biệt, 02 di tích xếp hạng quốc gia, 33 di tích cấp tỉnh; tiến hành tu bổ, tôn tạo 14 di tích từ chương trình mục tiêu quốc gia với tổng kinh phí là 5 tỷ 400 triệu đồng.

của tỉnh đạt thành tích cao trong các kỳ thể vận hội khu vực và quốc tế¹⁴. Công tác xã hội hoá hoạt động văn hoá, thể thao đạt kết quả tích cực bước đầu.

4. Thông tin và truyền thông

Tăng cường quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng về thông tin và truyền thông. Hạ tầng và dịch vụ thông tin, truyền thông tiếp tục được hoàn thiện và ngày càng đồng bộ, hiện đại. Tập trung triển khai Khung kiến trúc chính quyền điện tử của tỉnh; Trung tâm dữ liệu của tỉnh được nâng cấp cơ bản đáp ứng được yêu cầu; 100% các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, cấp xã đã xây dựng mạng nội bộ LAN, kết nối Internet băng rộng.

Hạ tầng và dịch vụ bưu chính viễn thông phát triển theo hướng hiện đại. Quản lý nhà nước đối với hoạt động báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình, thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại, thông tin điện tử được coi trọng. Hệ thống báo chí, truyền thông trên địa bàn tỉnh được quan tâm đầu tư, nâng cao chất lượng và có nhiều đổi mới, nhất là Báo Hải Dương và Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; làm tốt vai trò thông tin, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tuyên truyền, quảng bá kịp thời các điển hình tiên tiến trong lao động sản xuất và đời sống, đồng thời phản ánh kịp thời các kiến nghị của doanh nghiệp và nguyện vọng của nhân dân với các cấp ủy đảng, chính quyền.

5. Lao động, việc làm và an sinh xã hội

Công tác lao động, việc làm, an sinh xã hội đạt được những kết quả tích cực. Tỷ lệ hộ nghèo giảm trung bình 1,17%/năm¹⁵ (KH giảm trên 1%/năm); tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2020 ước đạt 75% (KH 75%). Công tác quản lý nhà nước về lao động được tăng cường; việc tuyển sinh dạy nghề, tạo việc làm mới cho lao động hằng năm được thực hiện tốt¹⁶; chất lượng giáo dục nghề nghiệp từng bước được nâng lên, cơ bản đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động; tình hình thực hiện pháp luật lao động được kiểm soát, quản lý. Trong nhiệm kỳ đã giải quyết và tạo việc làm mới cho 182.523 lao động (đạt 104,6% kế hoạch). Các chính sách trợ giúp xã hội; các quyền của trẻ em được bảo đảm; khoảng cách giới dần thu hẹp, phụ nữ và trẻ em gái được tham gia bình đẳng trên các lĩnh vực; công tác phòng chống tệ nạn xã hội, đặc biệt tệ nạn ma túy đã đạt được nhiều kết quả tích cực.

¹⁴- Thể thao tỉnh nhà đóng góp nhiều VĐV cho đội tuyển quốc gia tham gia thi đấu quốc tế: Seagame, Asiad, Olympic với các môn thể thao thể mạnh của Hải Dương như: Bóng bàn, Bắn súng, Đua thuyền Rowing, Canoeing, Cờ tạ, Pencaksilat, Đấu kiếm, Bắn cung,...

¹⁵ Từ 7,19% năm 2015 ước còn 1,36% vào năm 2020.

¹⁶ Dạy nghề cho 36.500 lao động, giải quyết việc làm cho trên 35.000 lao động (xuất khẩu trên 4.500 lao động).

Công tác bảo hiểm xã hội được đẩy mạnh, đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội ngày càng mở rộng, số người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tăng bình quân 8,4%/năm. Thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người có công và đảm bảo an sinh xã hội đối với các đối tượng chịu ảnh hưởng của dịch. Việc triển khai hiệu quả các chính sách an sinh xã hội đã góp phần tạo ổn định xã hội, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, đến năm 2020 GRDP bình quân đầu người đạt 69,8 triệu đồng, tương đương khoảng 3.020 USD (KH 3.200 USD); các chỉ tiêu cơ bản về thu nhập, chi tiêu, nhà ở và phương tiện sinh hoạt phục vụ đời sống người dân hàng năm đều tăng.

III. LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ; QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Khoa học và công nghệ

Hoạt động khoa học và công nghệ tiếp tục được chú trọng đầu tư theo hướng thiết thực, hiệu quả¹⁷. Công tác xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ được quan tâm đổi mới theo hướng nhanh gọn, khoa học, thiết thực, hướng về cơ sở. Công tác thẩm định công nghệ các dự án đầu tư, các chương trình phát triển kinh tế xã hội đã góp phần quan trọng trong việc đưa ra các quyết định lựa chọn, chấp thuận đầu tư. Công tác quản lý sở hữu trí tuệ đã bám sát với nhu cầu thực tiễn của các địa phương, của người dân và doanh nghiệp; hoạt động bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đã được thúc đẩy và phát triển về số đơn đăng ký, số văn bằng bảo hộ và đối tượng sản phẩm bảo hộ, đặc biệt là các sản phẩm đặc sản, sản phẩm có thế mạnh của các địa phương. Công tác quản lý tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, thông tin khoa học công nghệ ngày càng được tăng cường và đạt nhiều kết quả tích cực.

2. Công tác quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên

Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các cấp ngày càng đi vào nề nếp, góp phần tích cực vào công tác quản lý, sử dụng đất đai ngày càng hợp lý và có hiệu quả. Việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất được thực hiện theo quy định của pháp luật, quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất hàng năm. Công tác giải phóng mặt bằng các dự án đã có những chuyển biến, đã tập trung xử lý những vướng mắc, đẩy nhanh việc

¹⁷ - Trong giai đoạn 2016 - 2020 đã đầu tư 213,9 tỷ đồng từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ để thực hiện 140 nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Nhiều nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ đã mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần xây dựng luận cứ khoa học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh gắn với bảo vệ môi trường, bảo tồn di sản văn hóa, chăm sóc sức khỏe cho người dân.

giao đất cho thực hiện một số dự án lớn, công trình trọng điểm. Tiếp tục đẩy mạnh công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; tỷ lệ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở nông thôn đạt 78,4%, đất ở đô thị 73,2%, đất các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp 92%.

Công tác quản lý nhà nước về khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu dần đi vào nề nếp. Tổ chức khai thác có hiệu quả một số vùng nguyên liệu phục vụ cho yêu cầu sản xuất. Công tác kiểm tra việc quản lý, khai thác, sử dụng đất đai, tài nguyên khoáng sản được tăng cường; kịp thời phát hiện, xử lý nhiều tổ chức, cá nhân sai phạm.

3. Công tác quản lý và bảo vệ môi trường

Công tác quản lý và bảo vệ môi trường được quan tâm thực hiện. Triển khai thực hiện đề án “xử lý rác thải sinh hoạt khu vực nông thôn”, tỷ lệ rác thải khu vực nông thôn được thu gom, xử lý đạt 87% vượt mục tiêu đề ra; thu gom, xử lý chất thải rắn khu vực đô thị được quan tâm, tỷ lệ đạt 95% đạt mục tiêu đề ra. Thực hiện lắp đặt và vận hành hiệu quả các trạm quan trắc tự động tại các cơ sở sản xuất có nguy cơ cao về môi trường. Hiện nay có 10 khu công nghiệp đã đi vào hoạt động, trong đó 07/10 khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đang hoạt động ổn định, 03/10 khu công nghiệp đã hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải tập trung nhưng chưa đưa vào vận hành ổn định. Có 38 cụm công nghiệp đang hoạt động, trong đó có 14 cụm công nghiệp được phê duyệt đánh giá tác động môi trường hoặc Đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

Công tác thanh tra, kiểm tra quản lý và bảo vệ môi trường được tăng cường. Thực hiện thanh tra, kiểm tra đối với 424 đơn vị trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Qua công tác thanh tra, kiểm tra đã xử lý, kiến nghị xử lý vi phạm hành chính đối với 89 đơn vị, cá nhân, tổng số tiền xử phạt 7.549,74 triệu đồng.

IV. LĨNH VỰC THANH TRA, TƯ PHÁP; ĐẢM BẢO AN NINH CHÍNH TRỊ TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI VÀ QUỐC PHÒNG QUÂN SỰ ĐỊA PHƯƠNG

Công tác thanh tra, kiểm tra được triển khai thực hiện đúng quy định, giảm bớt tình trạng chùng chèo, chất lượng được nâng lên, ngày càng đáp ứng tốt hơn yêu cầu của công tác quản lý nhà nước, góp phần phòng ngừa vi phạm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí¹⁸. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện nghiêm túc; cơ bản các đơn thư được xem xét, giải

¹⁸ Qua 2.772 cuộc thanh tra, kiểm tra đã phát hiện vi phạm về kinh tế với số tiền 265 tỷ 719 triệu đồng và 15.313 m² đất; kiến nghị xử lý kỷ luật 07 tập thể và 39 cá nhân; kiến nghị chuyển cơ quan điều tra 01 vụ việc (01 đối tượng); xử phạt vi phạm hành chính 26 tỷ 277 triệu đồng.

quyết, nhiều vụ việc được giải quyết ngay từ cơ sở. Chất lượng giải quyết tố cáo, khiếu nại của công dân từng bước được nâng lên, đảm bảo đúng pháp luật¹⁹. Các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, nhất là các vụ việc đông người, kéo dài ở một số địa phương được tập trung rà soát và xử lý dứt điểm²⁰.

Công tác phổ biến giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý phát huy hiệu quả tích cực, từng bước nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân. Triển khai kịp thời các luật, các văn bản quy phạm pháp luật, công tác theo dõi thi hành pháp luật được triển khai thực hiện đồng bộ. Các hoạt động hỗ trợ tư pháp được củng cố, kiện toàn, nâng cao năng lực và chất lượng. Việc phối hợp giữa các cơ quan tố tụng hai cấp trong công tác điều tra, truy tố, xét xử được tăng cường²¹; chất lượng tranh tụng tại phiên tòa có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác thi hành án hình sự được thực hiện nghiêm minh; chất lượng thi hành án dân sự từng bước được nâng cao. Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện nền nếp, có chất lượng, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương; chất lượng các văn bản quy phạm pháp luật ban hành theo thẩm quyền được nâng lên.

Thực hiện tốt công tác bảo vệ an ninh quốc gia, đảm bảo trật tự an toàn xã hội; chủ động, kịp thời phát hiện và đấu tranh, vô hiệu hóa mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; đảm bảo vững chắc an ninh trên các lĩnh vực: kinh tế, xã hội, văn hóa tư tưởng, tôn giáo. Giải quyết kịp thời, ổn định các vụ việc phức tạp, tập trung đông người, không để phát sinh thành “điểm nóng” về an ninh, trật tự. Công tác phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm đạt kết quả tích cực, chất lượng điều tra, khám phá các vụ án, nhất là các vụ án đặc biệt nghiêm trọng, dư luận quan tâm được nâng cao²². Triển khai tổ chức thực hiện nhiều giải pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông, đạt kết quả tích cực, bước đầu kiềm chế TNGT (giảm 13% về số vụ, giảm 6,6% về số người bị thương). Huy động các cấp, các ngành và toàn thể nhân dân trên địa bàn tỉnh tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và thực hiện Đề

¹⁹ Đã tiếp nhận và phân loại, xử lý 22.355 đơn các loại; đã giải quyết 1.333/1.522 vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền, đạt 87,6%.

²⁰ Trong kỳ, trên địa bàn tỉnh có 16 vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, đông người, kéo dài, trong đó có 10 vụ việc đã giải quyết xong và 06 vụ việc đang được xem xét giải quyết.

²¹ Đã phối hợp, xác định, giải quyết kịp thời 626 vụ án hình sự trọng điểm; tổ chức trên 1600 phiên tòa lưu động; tỷ lệ án trả hồ sơ điều tra bổ sung trong các giai đoạn tố tụng ở mức thấp 0,99%.

²² Trong giai đoạn 2011- 2015 vi phạm về trật tự ATXH xảy ra 3.969 vụ, giảm 2,6% so với giai đoạn trước; điều tra khám phá 3.291 vụ, đạt tỷ lệ 82,9%, trong đó án trọng điểm đạt 91,1%.

án “Xây dựng làng an toàn, khu dân cư an toàn, cơ quan, doanh nghiệp an toàn về an ninh trật tự”²³.

Công tác quốc phòng - quân sự địa phương được triển khai đồng bộ, toàn diện, có chiều sâu. Đề án xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 triển khai đạt kết quả tốt, góp phần xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân ngày càng vững chắc. Thực hiện tốt nhiệm vụ xây dựng lực lượng thường trực, dân quân tự vệ, dự bị động viên; tích cực đổi mới nội dung, phương pháp huấn luyện, duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu, qua đó chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang không ngừng được nâng lên, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đề ra. Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân hàng năm²⁴; công tác tuyển sinh quân sự hằng năm đạt kết quả cao; thực hiện tốt công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh²⁵, công tác phòng, chống giảm nhẹ thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, công tác phòng, chống dịch Covid-19. Bảo đảm đồng bộ công tác hậu cần, tài chính, vũ khí, trang bị cho nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện, diễn tập và các nhiệm vụ đột xuất khác²⁶. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị chăm lo chính sách hậu phương quân đội và phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”²⁷.

V. CÔNG TÁC XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN VÀ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH; CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, KINH DOANH

Phương thức hoạt động của chính quyền các cấp được đổi mới, thực hiện tốt việc phân cấp quản lý trên một số lĩnh vực; hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành được nâng lên. Việc cụ thể hóa, tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh đã được UBND các cấp triển khai quyết liệt, bám sát tình hình thực tiễn, chỉ đạo kịp thời việc giải quyết các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách như: Cải cách hành chính, sắp xếp bộ máy, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh, đảm bảo an sinh xã hội, phòng chống thiên tai dịch bệnh, đặc biệt công tác phòng,

²³ Xây dựng và nhân rộng trên 700 lượt mô hình, điển hình tiên tiến theo hướng “Tự quản, tự phòng ngừa, tự bảo vệ an ninh trật tự”.

²⁴ Trong nhiệm kỳ đã giao 16.100 công dân nhập ngũ.

²⁵ Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho 22.454 đối tượng; giáo dục QP-AN cho 66.893 học sinh, sinh viên; tỷ lệ dân quân tự vệ đạt 1,56% dân số; đào tạo 465 sỹ quan dự bị từ nguồn ngân sách địa phương.

²⁶ Tổ chức diễn tập Khu vực phòng thủ tỉnh và 438 cuộc diễn tập các cấp, các ngành; đầu tư xây dựng công trình trong khu vực phòng thủ cấp tỉnh 88 tỷ.

²⁷ Chi trả cho 21.931 đối tượng với kinh phí trên 65 tỷ đồng; xây dựng 37 nhà tình nghĩa, nhà đồng đội; tổ chức khám, chữa bệnh miễn phí, tặng quà, thăm hỏi đối với nhiều đối tượng chính sách. Vận động hơn 1,2 tỷ đồng cho quỹ đền ơn đáp nghĩa. Đón nhận hài cốt 03 liệt sỹ hy sinh tại Campuchia, quy tập 23 hài cốt liệt sỹ. Giám định thương tật cho 247 trường hợp. Xác định liệt sỹ cho 04 trường hợp...

chống dịch COVID-19. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện của cấp trên đối với cấp dưới được tăng cường.

Công tác cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh được quan tâm chỉ đạo thực hiện, có những kết quả tích cực trên một số mặt. Một số điểm chỉ số thành phần PCI từng bước được cải thiện như các chỉ số: đào tạo lao động, gia nhập thị trường, tiếp cận đất đai, dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp. Duy trì tổ chức các Hội nghị gặp mặt đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh với cộng đồng các nhà đầu tư, doanh nghiệp; các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất của doanh nghiệp về cơ bản đã được các cấp chính quyền quan tâm, lắng nghe, chỉ đạo xử lý, tháo gỡ kịp thời, tạo môi trường ổn định, thuận lợi để các doanh nghiệp đầu tư, hoạt động sản xuất kinh doanh, nhiều doanh nghiệp đã an tâm mở rộng đầu tư, kinh doanh, lòng tin của cộng đồng doanh nghiệp đối với chính quyền tỉnh tiếp tục được củng cố nâng lên.

Công tác cải cách TTHC có những chuyển biến; hoạt động kiểm soát TTHC được tăng cường chỉ đạo, kịp thời rà soát, công khai các TTHC theo quy định. Tập trung rà soát, xây dựng và thực hiện quy trình giải quyết thủ tục hành chính của các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi giải quyết của các cơ quan cấp tỉnh; quy trình giải quyết TTHC trên một số lĩnh vực đã được cứu, cải tiến, tạo thuận lợi hơn cho người dân, doanh nghiệp; thời gian giải quyết TTHC trên một số lĩnh vực, nhất là lĩnh vực liên quan đến đầu tư, kinh doanh được rút ngắn so với quy định²⁸.

Công tác ứng dụng CNTT trong hoạt động quản lý hành chính được đẩy mạnh. Xây dựng và đưa vào hoạt động Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Hải Dương; bước đầu đưa vào sử dụng “Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu” của tỉnh. Hệ thống Một cửa điện tử, dịch vụ công trực tuyến, quản lý văn bản, thư điện tử công vụ... được triển khai thống nhất và đồng bộ ở cả 3 cấp trong toàn tỉnh; đến nay, 10% số lượng dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 4.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đạt kết quả rõ nét, đã giảm được 22 phòng thuộc các Sở, ngành, giảm 90 đơn vị và 154 tổ chức bên trong đối với các đơn vị sự nghiệp, giảm 30 đơn vị hành chính cấp xã, 135 đơn vị thôn, khu dân

²⁸- Lĩnh vực ĐKKD giảm từ 3 ngày xuống tối đa 02 ngày làm việc; lĩnh vực thẩm định dự án đầu tư: cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư giảm từ 15 ngày xuống 7 ngày làm việc; rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục giao đất, cho thuê đất đối với DN mới thành lập do chuyển từ hộ kinh doanh, DN nhỏ, siêu nhỏ từ 30 ngày làm việc xuống còn không quá 10 ngày; thủ tục thẩm định đánh giá tác động môi trường từ 30 ngày xuống còn 20 ngày; rút ngắn thời gian thẩm định (02 bước) và cấp giấy phép xây dựng so với quy định trung bình là 31,5 ngày; Lĩnh vực cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài: giảm từ 07 ngày xuống còn 03 ngày làm việc,...

cư; thực hiện tinh giản 389 công chức (giảm 11,33%, mục tiêu giảm 10%), giảm 3.307 viên chức (giảm 9,54%, mục tiêu giảm ít nhất 10%).

Cải cách tài chính công được đẩy mạnh thực hiện, đạt kết quả tích cực. Tiếp tục đổi mới đồng bộ cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, tăng cường phân cấp và tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ và trong sử dụng nguồn lực, chuyển đổi cơ chế phân bổ chi thường xuyên từ NSNN sang cơ chế nhà nước đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ từng loại hình dịch vụ²⁹.

B. HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

I. HẠN CHẾ

1. Về phát triển kinh tế

Kinh tế tăng trưởng chưa thực sự bền vững, chưa phát huy tốt nội lực từ khu vực doanh nghiệp dân doanh; còn dựa nhiều vào yếu tố lao động và vốn đầu tư; chưa phát huy hết tiềm năng ở một số ngành, lĩnh vực, nhất là khu vực dịch vụ. Thực hiện các đột phá chiến lược, nhất là về cải cách hành chính, nâng cao chất lượng nhân lực chưa có chuyển biến rõ nét. Tái cơ cấu kinh tế thực hiện còn chậm. Công tác quy hoạch còn hạn chế, chất lượng một số đồ án quy hoạch chưa cao, việc triển khai lập quy hoạch chung của tỉnh đến năm 2030 và định hướng đến năm 2050 và lập, điều chỉnh quy hoạch vùng ở một số địa phương còn chậm; việc quản lý thực hiện quy hoạch còn bất cập.

Môi trường đầu tư kinh doanh chưa được cải thiện rõ rệt, một số chỉ số thành phần trong chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh chuyển biến còn chậm; chưa tạo được đột phá về thu hút đầu tư; chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư lớn, các dự án có công nghệ cao, công nghệ nguồn, công nghiệp hỗ trợ, đầu tư phát triển hạ tầng và chuyển giao công nghệ. Phát triển doanh nghiệp chưa đạt mục tiêu đề ra.

Sản xuất nông nghiệp tập trung theo hướng hàng hóa còn gặp khó khăn; chuyển dịch cơ cấu kinh tế nội ngành còn chậm; số lượng doanh nghiệp tham gia vào chuỗi giá trị sản phẩm chưa nhiều và thiếu chuyên nghiệp; lĩnh vực chế biến, bảo quản sau thu hoạch còn hạn chế. Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới có địa phương mới quan tâm nhiều đến xây dựng cơ sở hạ

²⁹ - Đã chuyển đổi mô hình từ đơn vị sự nghiệp công lập thành doanh nghiệp đối với 03 đơn vị; chuyển đổi 05 đơn vị sang loại hình tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; chuyển đổi được thêm 21 đơn vị sang loại hình tự bảo đảm chi thường xuyên. Đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: Chuyển đổi được 113 đơn vị từ loại hình NSNN bảo đảm chi thường xuyên sang loại hình tự bảo đảm một phần chi thường xuyên

tầng chưa chú trọng đến đầu tư phát triển sản xuất; nợ xây dựng cơ bản ở cấp xã còn nhiều.

Sản xuất công nghiệp chưa tạo được bước bứt phá về trình độ công nghệ; chưa thúc đẩy sự hình thành và phát triển của công nghiệp phụ trợ. Quy mô, chất lượng, năng lực cạnh tranh của một số loại hình dịch vụ còn thấp. Quy hoạch và đầu tư hạ tầng một số khu công nghiệp, cụm công nghiệp còn chậm.

Cơ cấu thu ngân sách chưa thực sự bền vững (thu từ đất còn chiếm tỷ lệ lớn), đóng góp từ khu vực doanh nghiệp dân doanh còn thấp. Tỷ lệ chi thường xuyên còn lớn; tỷ lệ chi cho đầu tư phát triển còn hạn chế, nguồn vốn chủ yếu từ quỹ đất.

Hệ thống hạ tầng giao thông chưa đồng bộ, còn thiếu nhiều tuyến giao thông kết nối vùng, kết nối với các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ.

2. Về phát triển văn hóa xã hội

Điều kiện, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học của một số trường còn thiếu so với quy định, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới; hiệu quả xã hội hóa giáo dục chưa cao; chất lượng đào tạo nguồn nhân lực còn hạn chế và chưa gắn kết chặt chẽ với nhu cầu sử dụng; còn tình trạng mất cân đối trong kết nối cung - cầu lao động; công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân còn hạn chế, nhất là ở tuyến xã; tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh còn ở mức cao.

Công tác đầu tư tu bổ tôn tạo di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng từ nguồn ngân sách còn hạn chế. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở còn thiếu đồng bộ; thiếu đội ngũ chuyên gia đầu ngành trên nhiều lĩnh vực. Hạ tầng du lịch còn chưa đáp ứng yêu cầu; chưa thu hút được các nhà đầu tư lớn đầu tư các khu du lịch nghỉ dưỡng, du lịch trải nghiệm; chưa hình thành được các sản phẩm du lịch rõ nét.

Hạ tầng cơ sở dữ liệu cho chính quyền điện tử xây dựng chưa đồng bộ, nguồn nhân lực còn hạn chế về số lượng và chất lượng. Hiệu quả thực hiện Đề án thu hút nhân tài còn thấp; thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao.

3. Về hoạt động khoa học và công nghệ; khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường

Tiềm lực khoa học và công nghệ của tỉnh đầu tư và phát triển còn chậm; việc đặt hàng nghiên cứu trong sản xuất và đời sống của các cấp, các ngành còn hạn chế. Sự tham gia chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của doanh nghiệp và khu vực kinh tế tư nhân chưa nhiều.

Công tác lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của các ngành, lĩnh vực. Thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử

dụng đất còn thiếu đồng bộ và hiệu quả. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, công tác tính tiền sử dụng đất một số dự án còn chậm so với yêu cầu. Triển khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp sau dồn điền, đổi thửa và việc xử lý những vướng mắc trong công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản trên đất cho một số tổ chức, cá nhân còn chậm. Tình trạng khai thác, vận chuyển trái phép khoáng sản ở một số địa phương chưa được xử lý triệt để. Hoạt động bảo vệ môi trường, xử lý nước thải tại các khu đô thị, khu dân cư tập trung, các cụm công nghiệp chưa có nhà đầu tư hạ tầng, các làng nghề còn có những hạn chế; việc thu gom, xử lý chất thải từ sản xuất và rác thải sinh hoạt ở một số khu vực nông thôn chưa đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; thu hút đầu tư các khu xử lý rác thải tập trung mới còn gặp khó khăn.

4. Về công tác thanh tra, tư pháp

Việc đấu tranh, ngăn chặn hoạt động chống phá của các thế lực thù địch trên không gian mạng còn chưa đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn. Tình hình an ninh nông thôn vẫn tiềm ẩn nhiều diễn biến phức tạp, vẫn xảy ra tình trạng người dân tập trung đông người, khiếu kiện vượt cấp. Tình hình tai nạn giao thông, cháy, nổ và các tệ nạn xã hội, nhất là ma túy và đánh bạc, còn tiềm ẩn diễn biến khó lường. Tiến độ giải quyết các vụ việc dân sự và khiếu kiện hành chính ở một số đơn vị còn chậm; việc tổ chức thực hiện các quyết định xử phạt hành chính chưa đồng bộ. Việc giải quyết đơn thư thuộc thẩm quyền của một số đơn vị, địa phương còn chậm, chất lượng giải quyết chưa cao; một số vụ việc giải quyết chưa nghiêm dẫn đến tình trạng gửi đơn vượt cấp.

II. NGUYÊN NHÂN

1. Nguyên nhân khách quan

Tình hình, diễn biến thời tiết, dịch bệnh khó lường đã ảnh hưởng lớn tới sản xuất và đời sống nhân dân; đặc biệt là tác động của đại dịch Covid-19 và dịch tả lợn châu Phi đã ảnh hưởng đến thực hiện một số chỉ tiêu phát triển của tỉnh, nhất là về tăng trưởng kinh tế, thu ngân sách nhà nước năm 2020 và tác động chung đến các chỉ tiêu của cả giai đoạn³⁰.

Một số chủ trương, cơ chế, chính sách điều hành kinh tế vĩ mô của nhà nước thay đổi nhanh; tổ chức thực hiện và điều hành ở địa phương có việc còn bị động và lúng túng. Các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực về doanh nghiệp, đầu tư, đất đai, xây dựng còn có những chông chéo gây khó khăn trong áp dụng thực hiện tại địa phương.

³⁰ So với điều kiện không có dịch, năm 2020 tăng trưởng kinh tế giảm 4,2 điểm %, quy mô kinh tế giảm hơn 3.300 tỷ đồng.

2. Nguyên nhân chủ quan

Chưa xây dựng được chiến lược tổng thể và xác định rõ các nhiệm vụ đột phá, tạo sức lan tỏa để phát triển; năng lực dự tính, dự báo, tham mưu đề xuất của các Sở, ngành trong quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch còn hạn chế.

Quy mô kinh tế tỉnh chưa lớn, hầu hết là các doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ, năng lực cạnh tranh yếu. Hạ tầng một số dịch vụ chưa phát triển: Triển khai quy hoạch và đầu tư hạ tầng CCN còn chậm, hạ tầng kho bãi logistics,... chưa phát triển.

Công tác chỉ đạo, điều hành các cấp, các ngành còn những bất cập. Việc cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện một số chủ trương trong điều hành phát triển KT-XH còn thiếu chủ động, chưa quyết liệt. Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện còn hạn chế, trách nhiệm cá nhân chưa được đề cao. Công tác quản lý, điều hành và phối hợp có nơi, có lúc thiếu chặt chẽ, cụ thể, chưa có trọng tâm, trọng điểm.

Một bộ phận cán bộ trình độ, năng lực còn hạn chế, chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm, còn hiện tượng những nhiều tiêu cực.

C. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, Nghị quyết HĐND tỉnh về nhiệm vụ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, trong điều kiện gặp nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là tác động của dịch tả lợn châu phi và đại dịch COVID-19, với sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng bộ và nhân dân, tỉnh ta tiếp tục giành được nhiều kết quả quan trọng, khá toàn diện trên các lĩnh vực, cơ bản đều đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Kinh tế tăng trưởng khá, nền kinh tế tiếp tục được cơ cấu lại theo hướng phát triển nhanh, bền vững hơn, các đột phá chiến lược được đẩy mạnh thực hiện, đạt một số kết quả. đặc biệt rõ nét về xây dựng kết cấu hạ tầng; bộ mặt đô thị, nông thôn có nhiều khởi sắc. Tỉnh đã trở thành một trong số ít tỉnh tự cân đối được ngân sách và có điều tiết về ngân sách trung ương. Văn hoá, xã hội có bước phát triển mới; an sinh, xã hội được đảm bảo, đời sống nhân dân được nâng lên. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững; công tác quốc phòng - quân sự địa phương được củng cố, tăng cường. Hoạt động liên kết, hợp tác kinh tế trong nước và quốc tế được mở rộng. Tuy nhiên, môi trường đầu tư, kinh doanh trên một số lĩnh vực chậm được cải thiện; việc thu hút và triển khai các dự án đầu tư của một số tập đoàn, doanh nghiệp lớn còn gặp khó khăn; tiến độ thực hiện một số công trình kết nối vùng còn chậm. Tình trạng khiếu kiện vượt cấp

vẫn diễn ra ở một số nơi. Vấn đề ô nhiễm môi trường, tội phạm, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông vẫn diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều nguy cơ.

II. MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Quyết liệt thực hiện các giải pháp nhằm tăng trưởng kinh tế với quyết tâm chính trị cao, biện pháp chỉ đạo quyết liệt và tư duy, tầm nhìn dài hạn. Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, phải phát huy tốt dân chủ, đồng thời có quy định về cách thức phối hợp, phân công, phân cấp, phân quyền rõ ràng, tránh việc đùn đẩy, né tránh, dễ làm khó bỏ; nhất là những nội dung liên quan đến quy trình thủ tục đầu tư.

2. Xác định các mục tiêu trọng tâm trọng điểm; chủ động, sáng tạo, quyết liệt, linh hoạt và “đeo bám” đến cùng mục tiêu đã đề ra; tập trung sự chỉ đạo và nguồn lực thực hiện có hiệu quả cao các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá, công trình trọng điểm để tạo ra động lực lớn có tính lan tỏa; đồng thời xác định rõ các điểm nghẽn, nút thắt cản trở sự phát triển để khắc phục.

3. Khai thác tối đa mọi tiềm năng, thế mạnh cùng với đẩy mạnh xã hội hóa, huy động cao nhất nguồn lực từ doanh nghiệp, người dân và từ bên ngoài để đẩy nhanh tốc độ phát triển.

4. Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, cần đặc biệt coi trọng công tác kiểm tra, giám sát; tăng cường công tác phối hợp giữa cấp, các ngành, các địa phương; nêu cao vai trò người đứng đầu thực sự gương mẫu, có tư duy đổi mới, tầm nhìn xa, năng động, sáng tạo, sâu sát thực tiễn, không ngại khó khăn, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, nói đi đôi với làm, coi trọng chất lượng và hiệu quả thực tế trong công việc.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025

A. DỰ BÁO BỐI CẢNH TÌNH HÌNH TRONG 5 NĂM TỚI

I. THUẬN LỢI

Trong 5 năm tới, dự báo khu vực Châu Á Thái Bình Dương, trong đó khu vực Đông Nam Á tiếp tục là khu vực phát triển năng động, đóng góp ngày càng lớn vào nền kinh tế toàn cầu. Một số hiệp định thương mại, đầu tư giữa Chính phủ Việt Nam và các tổ chức và định chế kinh tế quốc tế sẽ tạo ra cơ hội mới cho một số ngành hàng, lĩnh vực sản xuất kinh doanh của tỉnh (xuất khẩu nông sản, sản phẩm may mặc,...), đặc biệt như: Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam

và liên minh Châu Âu (EVFTA), Hiệp định bảo hộ đầu tư Việt Nam – EU (EVFTA), Hiệp định Đối tác toàn diện khu vực (RCEP),... Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang phát triển mạnh mẽ, dòng vốn đầu tư nước ngoài đang có xu hướng dịch chuyển về khu vực Đông Nam Á, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, tạo ra thời cơ mới cho phát triển....

Trong nước, kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định; Đảng và nhà nước đã ban hành và thực hiện các Chủ trương, cơ chế, chính sách mới cho phát triển kinh tế - xã hội; Chính phủ nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, năng lực cạnh tranh quốc gia được nâng lên. Làn sóng chuyển dịch đầu tư từ Trung Quốc sang một số quốc gia khác trong đó có Việt Nam mở ra cơ hội mới.

Những tiềm năng, thế mạnh của tỉnh về: Vị trí địa lý, đất đai, văn hóa, không gian phát triển trong Vùng Đồng bằng Sông Hồng, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Vùng Thủ đô Hà Nội, đặc biệt là hệ thống giao thông kết nối liên vùng; tiềm năng về quỹ đất, nguồn nhân lực; một số nhà đầu tư lớn trong nước (tập đoàn FLC, SunGroup, TH, T&T...) đã và đang nghiên cứu và đề xuất đầu tư tại tỉnh; một số dự án lớn đi vào hoạt động trong nhiệm kỳ tới (dự án Nhiệt điện BOT,...) cùng với những thành tựu, kinh nghiệm của tỉnh đã đạt được trong những năm qua là những yếu tố thuận lợi cho phát triển trong giai đoạn tới.

II. KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC

Cùng với những yếu tố thời cơ, thuận lợi, trong giai đoạn tới tỉnh ta cũng đứng trước không ít những khó khăn, thách thức trong phát triển. Kinh tế thế giới tiềm ẩn nguy cơ khủng hoảng và suy thoái do tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19. Tình hình chính trị, xung đột giữa các nước lớn trên thế giới, tình hình khu vực, nhất là trên Biển Đông còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ khó lường.

Mức độ cạnh tranh thương mại ngày càng gay gắt, xu hướng bảo hộ thương mại gia tăng ở một số quốc gia có tiềm lực, thế mạnh kinh tế. Xu hướng già hóa dân số nhanh, biến đổi khí hậu, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường ngày càng tác động mạnh; tình hình an ninh nông thôn; trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp.

Kinh tế của tỉnh chưa có sự phát triển bứt phá so với tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Nguồn lực đầu tư của tỉnh còn hạn hẹp, chủ yếu từ tiền sử dụng đất, trong khi đó nguồn thu từ đất đai ngày càng hạn hẹp. Hạ tầng giao thông, hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp còn thiếu. Nguồn nhân lực chất lượng cao vẫn là điểm nghẽn lớn; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cải cách hành chính chưa có những đột phá, tiếp tục đòi hỏi sự nỗ lực hơn từ phía chính quyền các cấp.

Dân số đông, trong khi đó quy mô kinh tế của tỉnh còn thấp, thu nhập bình quân và bình quân diện tích đất thấp là những khó khăn, thách thức cho việc phát triển kinh tế của tỉnh nhanh, bền vững.

B. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

I. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng theo hướng tăng trưởng xanh, đổi mới, sáng tạo, phát triển kinh tế số, chuyển đổi số để phát triển nhanh, bền vững. Phát triển công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch; một số ngành dịch vụ có lợi thế, chất lượng cao; đô thị xanh, thông minh, hiện đại. Liên kết chặt chẽ, khai thác tốt tiềm năng, thế mạnh cùng các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Phát triển hài hòa giữa thành thị và nông thôn, xây dựng Thành phố Hải Dương đảm bảo tiêu chí đô thị thông minh. Giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa Xứ Đông. Tiếp tục đổi mới toàn diện giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân; nâng cao mức hưởng thụ phúc lợi xã hội và mức sống của người dân. củng cố vững chắc quốc phòng quân sự địa phương; giữ vững an ninh trật tự và an toàn xã hội, đảm bảo môi trường chính trị, xã hội ổn định cho phát triển. Tăng cường và nâng cao chất lượng, hiệu quả hội nhập quốc tế. Phấn đấu đến năm 2025 là tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, tạo tiền đề đến năm 2030 là tỉnh công nghiệp hiện đại, tạo nền tảng sớm trở thành thành phố trực thuộc trung ương.

II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng bình quân 9% trở lên; GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 115 triệu đồng (tương đương 4.800 USD), năm 2030 đạt 200 triệu đồng (tương đương 7.700 USD).

2. Thu nhập thực tế bình quân đầu người đến năm 2025 đạt 85 triệu đồng.

3. Cơ cấu kinh tế đến năm 2025: Nông, lâm nghiệp và thủy sản 8,0%, công nghiệp - xây dựng 61,5%, dịch vụ 30,5%.

4. Đến năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp chứng chỉ đạt 33%; tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đạt 55%; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế so với dân số đạt 95%.

5. Tỷ lệ đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt 50%; tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân đạt 8,5%/năm.

6. Số doanh nghiệp thành lập mới tăng hằng năm từ 15% trở lên.

7. Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2025 đạt 210 triệu đồng.
8. Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm 2025 đạt 20%.
9. Thu ngân sách nội địa tăng bình quân 10%/năm.
10. Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 đạt trên 45%.
11. Chỉ số phát triển con người (HDI) đến năm 2025 đạt 0,77.
12. Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia năm 2025: Mầm non: 70%; Tiểu học: 98,7%; THCS: 95%; THPT: 80%.
13. Năm 2025: Số giường bệnh (không tính các trạm y tế cấp xã) đạt 36 giường/vạn dân; có 10 bác sĩ/vạn dân.
14. Giảm 4/5 số hộ nghèo trong vòng 5 năm theo chuẩn mới; vào năm 2025 tỷ lệ thất nghiệp giảm còn 3% - 4%, tỷ lệ thiếu việc làm giảm còn 2%.
15. Duy trì tỷ lệ 90% làng, khu dân cư văn hóa, 85% cơ quan văn hoá trở lên.
16. Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 vào năm 2025 đạt 80%.
17. Năm 2025, 100% các cụm công nghiệp (có chủ đầu tư hạ tầng) có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu; 100% các doanh nghiệp thuộc đối tượng được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường.

III. XÁC ĐỊNH KHẤU ĐỘT PHÁ

1. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh; thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư vào tỉnh, chú trọng hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghệ số khởi nghiệp, sáng tạo.
2. Huy động các nguồn lực để phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình giao thông trọng điểm, hạ tầng số, đô thị thông minh và nông thôn mới kiểu mẫu.
3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các ngành, lĩnh vực; tạo chuyển biến mạnh mẽ trong công tác tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch; nêu cao vai trò gương mẫu, đổi mới sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, địa phương, đơn vị.

C. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

I. NHỮNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Trong năm 2021, tập trung quyết liệt chỉ đạo hoàn thành lập Quy hoạch tỉnh Hải Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Luật Quy hoạch, đảm bảo yêu cầu về chất lượng.

2. Tập trung chỉ đạo thực hiện, tạo đột phá về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; cải thiện năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI).

3. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Triển khai đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các giải pháp chống thất thu ngân sách; tạo lập các nguồn thu mới, nhất là nguồn thu lớn có tính bền vững, ưu tiên tạo nguồn lực từ các dự án do UBND cấp huyện và cấp xã làm chủ đầu tư. Tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, huy động các nguồn lực cho xây dựng, phát triển sự nghiệp giáo dục, văn hóa, thể thao.

4. Quan tâm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng cho yêu cầu phát triển, xây dựng con người xứ Đông - Hải Dương phát triển toàn diện. Tổ chức thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững. Nâng cao trình độ, phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; có chính sách thu hút đội ngũ chuyên gia giỏi, nhân lực chất lượng cao.

5. Đổi mới mạnh mẽ phương thức; nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo điều hành của chính quyền các cấp. Thực hiện tốt phân công, phân cấp và quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của mỗi cấp, mỗi ngành và vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu chính quyền các cấp.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRÊN CÁC LĨNH VỰC

I. PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Chủ động thích ứng với trạng thái “bình thường mới”, khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực do tác động của đại dịch Covid-19 để sớm hồi phục và lấy lại đà phát triển kinh tế. Tạo bước đột phá trong thực hiện cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Chuyển nhanh từ tăng trưởng theo chiều rộng nhờ chủ yếu từ yếu tố lao động giá rẻ, vốn sang tăng trưởng theo chiều sâu nhờ trình độ công nghệ, phương thức sản xuất và năng suất lao động; tăng trưởng dựa trên thúc đẩy tiêu dùng và tăng cường xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ.

1. Nông nghiệp và phát triển nông thôn

Phân đầu giá trị tăng thêm khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng bình quân 3%/năm.

Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án “Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”. Đẩy mạnh cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất nông nghiệp hữu cơ để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Thực hiện rà soát, thống kê, khoanh vùng bảo vệ và duy trì diện tích đất trồng lúa theo quy định của Chính phủ. Tháo gỡ điểm nghẽn trong tích tụ ruộng đất, khắc phục tình trạng bỏ ruộng. Đổi mới tổ chức sản xuất, trên cơ sở phát huy tối đa các lợi thế, thế mạnh sản phẩm của từng vùng, từng địa phương; xây dựng các vùng sản xuất nông nghiệp chuyên canh tập trung, các vùng sản xuất các sản phẩm chủ lực của tỉnh, hình thành các chuỗi liên kết tiêu thụ... Chú trọng chuyển đổi và sử dụng linh hoạt đất trồng lúa sang trồng cây rau màu, cây hàng năm khác có hiệu quả kinh tế cao. Xây dựng và triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, tạo chuỗi liên kết trong sản xuất, bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản. Củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp.

Tập trung xây dựng tiêu chuẩn, thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm để nâng cao giá trị sản phẩm nông nghiệp. Tăng cường công tác quản lý giống, vật tư nông nghiệp, công tác quản lý kiểm tra, kiểm soát chất lượng nông sản; khuyến khích nhân rộng mô hình kiểm soát, quản lý chất lượng nông sản theo chuỗi từ khâu sản xuất đến khâu lưu thông trên thị trường.

Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, nhất là tiến bộ về giống, kỹ thuật canh tác và cơ giới hóa trong sản xuất; xây dựng các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất rau, quả, chăn nuôi, thủy sản và mở rộng qui mô sản xuất theo quy trình GAP để tạo đột phá trong thực hiện tái cơ cấu, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

Quan tâm phát triển lĩnh vực bảo quản, chế biến sau thu hoạch để nâng cao giá trị và sức cạnh tranh trên thị trường. Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, tìm hiểu các thị trường trong và ngoài nước, xúc tiến thương mại gắn với từng sản phẩm hàng hóa cụ thể như: Vải, ổi, cà rốt, hành, tỏi, thịt, cá, trứng. Tăng cường khai thác thị trường nội địa và thị trường các nước ASIAN; nghiên cứu xây dựng mô hình Sàn giao dịch nông sản trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, trong đó đặc biệt quan tâm đến việc nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống người dân khu vực nông thôn; xây dựng

hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn gắn với quá trình đô thị hóa theo hướng văn minh, hiện đại. Tăng cường quản lý đất đai, quản lý đầu tư xây dựng ở cấp xã, khắc phục nợ đọng XDCB ở cấp xã.

2. Công nghiệp, xây dựng

Phân đầu giá trị tăng thêm ngành công nghiệp tăng bình quân 10,7%/năm trở lên.

Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án “Phát triển công nghiệp công nghệ cao và công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030”. Tập trung thu hút đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đồng bộ, hiện đại, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả; phân đầu giai đoạn 2020-2025 lập quy hoạch và kêu gọi đầu tư hạ tầng từ 3 đến 5 khu công nghiệp, phát triển các cụm công nghiệp. Thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với các doanh nghiệp sử dụng công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ; hỗ trợ, thúc đẩy hình thành liên kết theo mô hình “doanh nghiệp vệ tinh” đối với các Tập đoàn lớn, tập đoàn đa quốc gia; xây dựng triển khai kế hoạch liên kết đào tạo, cung ứng nhân lực chất lượng cao giữa các doanh nghiệp lớn với khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ và các cơ sở đào tạo nghề trong tỉnh.

Đẩy mạnh hỗ trợ phát triển tiểu thủ công nghiệp và làng nghề. Rà soát ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng hạ tầng chợ. Hỗ trợ xác lập quyền sở hữu trí tuệ, thực hiện chính sách khuyến công cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất TTCN làng nghề trên địa bàn tỉnh.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả các lĩnh vực sản xuất ngành xây dựng; khuyến khích nghiên cứu, phát triển và sản xuất các loại vật liệu xây dựng mới. Tăng cường công tác quản lý thị trường bất động sản, quản lý trật tự xây dựng, nhất là tại khu vực đô thị; đảm bảo quản lý đồng bộ các công trình xây dựng và công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật tại các khu đô thị theo đúng quy hoạch và các quy định khác.

3. Dịch vụ

Phân đầu giá trị tăng thêm dịch vụ tăng bình quân 8%/năm trở lên. Tăng cường và nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến thương mại; đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá tiềm năng, lợi thế phát triển dịch vụ của tỉnh. Chú trọng nghiên cứu xây dựng, ban hành và triển khai các chính sách của tỉnh để khuyến khích, tạo điều kiện thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào một số lĩnh vực dịch vụ có tiềm năng phát triển như: Viễn thông, du lịch, vận tải, tư vấn, kho vận logistic, dịch vụ thể thao...

Phát triển đồng bộ các loại thị trường có tổ chức, kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng, phát triển với quản lý thị trường dịch vụ bảo đảm cạnh tranh lành

manh, chống độc quyền. Phát triển các loại thị trường như: Thị trường lao động, thị trường khoa học và công nghệ, thị trường tài chính, thị trường bất động sản.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với ngành dịch vụ, chất lượng hạ tầng các công trình phục vụ phát triển dịch vụ; tăng cường công tác phối hợp giữa nhà nước và doanh nghiệp trong việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là lao động có trình độ cao trong ngành dịch vụ.

Xây dựng nâng cấp, phát triển hệ thống chợ theo quy hoạch, trong đó ưu tiên các chợ đầu mối. Thu hút đầu tư phát triển các trung tâm thương mại, siêu thị quy mô lớn, hiện đại tại các địa bàn trọng điểm có đông dân cư và tại các đô thị mới. Phát triển các loại hình thương mại hiện đại như: Cửa hàng tiện ích, trung tâm mua sắm; đa dạng hóa phương thức giao dịch như: Thanh toán điện tử, bán hàng trực tuyến,... Khai thác tốt thị trường tiêu thụ trong tỉnh. Duy trì và phát triển các thị trường xuất khẩu truyền thống, tích cực thâm nhập các thị lớn như: EU, Mỹ, Nhật Bản.

Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án “Phát triển du lịch chất lượng cao giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, thu hút mọi nguồn lực đầu tư phát triển du lịch. Phát triển du lịch thành ngành kinh tế quan trọng; phát triển các khu, điểm du lịch có hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật tương đối đồng bộ, hiện đại; phát triển sản phẩm du lịch có chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu; đảm bảo sự tăng trưởng liên tục số lượng khách và doanh thu du lịch hàng năm góp phần tăng dần tỷ trọng thu nhập du lịch trong cơ cấu GRDP của tỉnh. Quy hoạch và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư lớn nghiên cứu, đầu tư có hiệu quả một số khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, trải nghiệm, các điểm du lịch có giá trị để hình thành các tour, tuyến, sản phẩm du lịch có chất lượng và đặc thù³¹; cải tạo, nâng cấp hạ tầng du lịch. Đẩy mạnh quảng bá, xúc tiến du lịch; tăng cường liên kết, phối hợp phát triển du lịch với các tỉnh trong vùng du lịch Đồng bằng Sông Hồng. Chú trọng công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực du lịch.

Mở rộng mạng lưới kinh doanh, đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ bảo hiểm. Khuyến khích các loại hình dịch vụ chất lượng cao như: Công nghệ - thông tin, viễn thông, y tế, tư vấn, giáo dục - đào tạo, văn hóa, dịch vụ an sinh xã hội. Mở rộng hệ thống dịch vụ bưu chính - viễn thông ở khu vực nông thôn. Nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải hành khách, thay thế phương tiện vận tải các tuyến

³¹ Một số điểm du lịch tâm linh như: Côn Sơn- Kiếp Bạc, An Phụ - Kính chủ, Đền Chu Văn An, Đền Tranh, Đền Khúc Thừa Dụ, Văn Miếu Mao Điền; điểm du lịch tại những vùng sinh thái hấp dẫn như: Đảo Cò Chi Lăng Nam (Thanh Miện), Sông Hương (Thanh Hà),...; điểm du lịch làng nghề nổi tiếng như: làng múa rối nước Hồng Phong, Gốm Chu Đậu, chạm khắc gỗ Đông Giao, thêu Xuân Nèo,...

buýt, tuyến cố định, dịch vụ taxi bằng các xe chất lượng cao. Phát triển mạng lưới xe buýt, mạng lưới vận tải, các bến xe theo quy hoạch.

4. Đầu tư phát triển

4.1. Cân đối vốn đầu tư

Để đảm bảo đạt mức tăng trưởng GRDP từ 9% trở lên, dự kiến mức huy động vốn đầu tư xã hội hằng năm từ 35% GRDP trở lên. Tổng vốn đầu tư cho cả giai đoạn 2021 - 2025 dự kiến phải huy động khoảng 327.000 tỷ đồng, gấp 1,57 lần so với giai đoạn 2016-2020. Trong đó, vốn đầu tư từ khu vực nhà nước, dự kiến huy động khoảng 8% (giai đoạn 2016-2020 chiếm 12,9%); khu vực ngoài nhà nước dự kiến huy động khoảng 60% (giai đoạn 2016-2020 chiếm 56,3%); vốn thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp FDI dự kiến khoảng 32% (giai đoạn 2016-2020 chiếm 30,8%).

4.2. Định hướng bố trí vốn đầu tư

Xây dựng và triển khai kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương 5 năm 2021-2025 và tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch đầu tư công hàng năm. Thực hiện các biện pháp cơ cấu lại chi ngân sách, nâng tỷ lệ chi cho đầu tư phát triển. Tăng cường công tác quản lý đầu tư, nâng cao hiệu quả các dự án đầu tư. Đổi mới công tác bố trí vốn đầu tư công theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, không bố trí dàn trải các dự án, bố trí vốn đầu tư theo thứ tự ưu tiên: Tập trung hoàn thành các dự án trọng điểm, các dự án kết nối vùng trong tỉnh và kết nối với các tỉnh giai đoạn 2021-2025, các dự án hạ tầng khác như thủy lợi, hạ tầng du lịch, hạ tầng KCN, CCN, hạ tầng phục vụ sản xuất, hạ tầng phúc lợi công cộng nhằm thúc đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Đẩy mạnh huy động nguồn lực xã hội hóa để tập trung đầu tư các công trình hạ tầng giao thông theo hình thức PPP, hạ tầng các khu đô thị, khu dân cư, hạ tầng KCN, CCN; đầu tư cho sản xuất kinh doanh, giáo dục, y tế, đào tạo. Tạo điều kiện thuận lợi về hạ tầng gắn với đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính để đón dòng đầu tư FDI chuyển dịch về khu vực Đông Nam Á...

4.3. Giải pháp thu hút đầu tư

Nâng cao chất lượng công tác xúc tiến, giới thiệu đầu tư; tập trung tuyên truyền, giới thiệu tiềm năng, lợi thế của tỉnh với nhiều hình thức. Tổ chức thực hiện tốt công tác lập và quản lý các quy hoạch; thực hiện tốt việc công bố công khai các quy hoạch, kế hoạch, các cơ chế, chính sách, quy định của tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, nhà đầu tư tìm hiểu, nghiên cứu, đề xuất và triển khai thực hiện đầu tư, sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Lập danh mục dự án khuyến khích thu hút đầu tư giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030. Tạo bước đột phá về cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Trên cơ sở hệ thống chính sách, pháp luật của nhà nước khẩn trương rà soát, hoàn thiện các chính sách, các văn bản quy định thuộc thẩm quyền ban hành hướng tới mục tiêu tạo thông thoáng, hỗ trợ các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong hoạt động đầu tư, kinh doanh. Tạo mọi điều kiện để thu hút các nhà đầu tư lớn, có uy tín trong và ngoài đầu tư và phát triển trên địa bàn tỉnh, tạo đột phá trong phát triển của tỉnh và trở thành doanh nghiệp đầu tàu, có quy mô vùng, liên vùng hoặc tầm cỡ quốc gia để dẫn dắt các doanh nghiệp trong tỉnh phát triển. Tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết 50-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030. Chú trọng thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ, ưu đãi nhằm nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp FDI.

5. Phát triển các thành phần kinh tế

Tiếp tục thực hiện nhất quán chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần. Tạo môi trường bình đẳng, thuận lợi cho các thành phần kinh tế đầu tư phát triển SXKD.

Xây dựng kế hoạch phát triển doanh nghiệp đến năm 2025; thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển mới các doanh nghiệp, chú trọng hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghệ số khởi nghiệp, sáng tạo.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của các DNNN sau đổi mới sắp xếp. Xây dựng các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của DNNN. Rà soát, bổ sung hoàn thiện quy chế phối hợp quản lý doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giải quyết những vấn đề khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển. Tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh. Hình thành và quản lý, khai thác có hiệu quả Quỹ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác hỗ trợ, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, kiểu dáng sản phẩm, xuất sứ hàng hóa đối với các doanh nghiệp.

Triển khai thực hiện tốt Luật Hợp tác xã; phát triển mới các hợp tác xã theo chủ trương của Chính phủ và kế hoạch của tỉnh; đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động các HTX dịch vụ nông nghiệp.

6. Công tác quy hoạch, quản lý và thực hiện quy hoạch, phát triển đô thị

Tập trung chỉ đạo hoàn thành lập và triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh đến năm 2030, định hướng đến năm 2050 trong năm 2021. Xây dựng các quy

hoạch ngành, lĩnh vực theo quy định của Luật quy hoạch, hoàn thành quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 của cấp huyện trong năm 2021; khẩn trương rà soát, điều chỉnh các quy hoạch xây dựng vùng huyện; xây dựng các quy hoạch phân khu tại các thành phố, thị xã. Rà soát, điều chỉnh Quy hoạch phòng chống lũ chi tiết trên các tuyến sông có đê trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu quy hoạch xây dựng hai bên các tuyến đường trục Bắc - Nam, Đông - Tây, các tuyến đường kết nối vùng và các hành lang kinh tế nhằm tạo không gian phát triển mới.

Phối hợp chặt chẽ, đồng thời đổi mới, nâng cao chất lượng các đồ án quy hoạch tỉnh, quy hoạch vùng huyện, quy hoạch ngành, lĩnh vực. Xây dựng đồ án quy hoạch và thiết kế phát triển các đô thị theo hướng đô thị thông minh, hiện đại, hạ tầng đồng bộ, bền vững. Tập trung nâng cao chất lượng lập quy hoạch đô thị; quy hoạch xây dựng đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất về hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị (đặc biệt là hạ tầng giao thông, thoát nước) và hạ tầng phúc lợi công cộng.

Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về xây dựng, quản lý kiến trúc đô thị; tập trung thu hút các nhà đầu tư lớn, có tiềm năng đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng đô thị, Phát triển đô thị gắn với phát triển kinh tế đô thị, đảm bảo tính liên kết chuỗi đô thị trong tỉnh, cũng như liên kết với các đô thị trong không gian Vùng. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý vận hành đô thị.

Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án “Phát triển đô thị xanh, thông minh, hiện đại giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2035”. Tập trung cải tạo chỉnh trang khu trung tâm thành phố Hải Dương, đồng thời mở rộng không gian phát triển đô thị hai bên bờ sông Thái Bình, sông Sặt. Tập trung phát triển các thành phố Hải Dương, Chí Linh theo hướng đô thị xanh, đô thị thông minh, hiện đại; thị xã Kinh Môn theo hướng đô thị thông minh, hiện đại. Hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại I của thành phố Hải Dương. Thực hiện nâng cấp và phân đầu xây dựng các huyện: Bình Giang, Nam Sách đạt tiêu chí đô thị loại IV, thị xã Kinh Môn đạt tiêu chí đô thị loại III trước năm 2025; nâng cấp các xã có điều kiện kinh tế phát triển trên địa bàn tỉnh trở thành đô thị loại V theo lộ trình phát triển đô thị.

II. LĨNH VỰC VĂN HÓA, XÃ HỘI

1. Giáo dục và đào tạo

Tiếp tục đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo về: Nội dung, chương trình giáo dục, về phương thức dạy và học, về tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá chất lượng giáo dục.

Thực hiện phổ cập giáo dục, đảm bảo về số lượng và nâng cao về chất lượng. Giữ vững và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chất lượng học sinh giỏi; nâng cao hiệu quả giáo dục tư tưởng đạo đức, pháp luật, kỹ năng sống cho học sinh.

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống mạng lưới giáo dục và đào tạo theo chủ trương thu gọn các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập, gắn với thực hiện tốt mục tiêu xây dựng xã hội học tập, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Hoàn thiện cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, đảm bảo các điều kiện thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông mới. Xây dựng trường chuẩn quốc gia ở các cấp học. Đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư cho phát triển giáo dục gắn với phát triển các khu dân cư, khu đô thị. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục.

2. Công tác y tế, dân số

Hoàn thiện và nâng cao chất lượng mạng lưới y tế các tuyến; đa dạng hóa các loại hình phòng khám tư nhân, bệnh viện tư nhân kỹ thuật cao. Tăng cường áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong khám chữa bệnh ở tuyến cơ sở, tuyến huyện; chủ động phòng chống dịch bệnh, tăng cường công tác giám sát, phát hiện sớm, dập dịch kịp thời, không để dịch bệnh lớn xảy ra.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Chương trình mục tiêu y tế - dân số, công tác vệ sinh môi trường và nước sạch. Tăng cường đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực cho các cơ sở y tế tuyến huyện, xã.

Xây dựng được đội ngũ bác sĩ, dược sĩ chất lượng cao ở tuyến tỉnh. Triển khai thực hiện tốt quy định về giá dịch vụ khám chữa bệnh bảo hiểm y tế của Trung ương. Thực hiện tốt công tác quản lý về cung cấp thiết bị, vật tư y tế, đảm bảo công khai, chặt chẽ, đảm bảo chất lượng phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân. Triển khai kế hoạch đấu thầu thuốc, hóa chất tập trung, cung ứng đủ thuốc, vắc xin, sinh phẩm và TTBYT có chất lượng, giá cả hợp lý, đáp ứng nhu cầu phòng, chữa bệnh.

3. Văn hoá, thể thao

Tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị của tỉnh, của đất nước thông qua hệ thống tuyên truyền trực quan, các hoạt động văn hoá, thể thao mừng Đảng, mừng Xuân, Tết Nguyên đán và các ngày kỷ niệm, ngày lễ lớn của đất nước, của địa phương tạo không khí vui tươi, phấn khởi trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Phát triển và hoàn thiện đồng bộ các thiết chế văn hóa, thể thao ở các cấp; xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển văn hóa, thể thao, gia đình trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Quan tâm đầu tư tu bổ, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa, cách mạng trên địa bàn tỉnh. Quan tâm xây dựng con người Hải Dương có văn hóa, trong đó chú trọng giáo dục, rèn luyện nhân cách, đạo đức, lối sống lành mạnh, tạo môi trường văn hóa lành mạnh. Phát triển tài nguyên văn hóa phục vụ phát triển kinh tế du lịch.

Phát triển mạnh mẽ phong trào TDTT quần chúng. Đổi mới và tăng cường công tác quản lý, đào tạo và huấn luyện; nâng cao thành tích của VĐV các môn thể thao truyền thống, trọng điểm loại I, loại II của tỉnh đạt nhiều thành tích xuất sắc tại các giải quốc gia; quyết tâm giữ vững vị trí trong tốp đầu các tỉnh, thành, ngành có thành tích thể thao cao nhất tại các kỳ Đại hội TDTT toàn quốc.

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa hoạt động văn hoá, thể thao và du lịch; huy động mọi nguồn lực cho xây dựng, phát triển sự nghiệp VH-TTDL, tạo điều kiện cho văn hoá, thể thao và du lịch phát triển đúng hướng và vững chắc trong thời kỳ mới.

4. Thông tin và truyền thông

Tiếp tục đổi mới công tác quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực thông tin và truyền thông, trong đó ưu tiên, tập trung lĩnh vực công nghệ thông tin, phát triển cách mạng công nghiệp 4.0. Từng bước thực hiện chuyển đổi số từ chính quyền đến xã hội. Xây dựng và thực hiện Kế hoạch phát triển doanh nghiệp công nghệ số của tỉnh theo giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030. Nghiên cứu thành lập 01 đơn vị đầu mối của tỉnh với vai trò là cơ quan điều phối tổ chức hỗ trợ cho DN số. Xây dựng chính sách hỗ trợ đối với các doanh nghiệp chuyển đổi phương thức quản lý truyền thống sang phương thức quản lý hoàn toàn dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin. Tạo điều kiện thuận lợi về mặt bằng quỹ đất, thủ tục để thu hút các doanh nghiệp số đầu tư trên địa bàn tỉnh. Xây dựng và triển khai Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

Phát triển hạ tầng và dịch vụ bưu chính viễn thông theo hướng hiện đại, an toàn, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường, có dung lượng lớn, tốc độ cao, chất lượng tốt.

Tăng cường quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng thông tin, truyền thông. Triển khai Đề án Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025, định hướng đến 2030.

5. Lao động, việc làm và an sinh xã hội

Quan tâm đầu tư và tổ chức thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, trọng tâm là giải quyết việc làm, thực hiện chính sách đối với người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội và giảm nghèo bền vững; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực góp phần ổn định xã hội, tạo động lực phát triển kinh tế.

Quan tâm thu hút đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng đồng bộ, hiện đại; thu hút đầu tư, xây dựng các cơ sở đào tạo nghề chất lượng cao. Đổi mới phương thức đào tạo nghề theo hướng gắn quy mô, lĩnh vực đào tạo với nhu cầu của các doanh nghiệp, các nhà đầu tư. Hoàn thiện, phát triển thị trường lao động, chú trọng công tác hướng nghiệp, dự báo, ứng dụng công nghệ thông tin, kết nối cung - cầu lao động; phấn đấu mỗi năm xuất khẩu lao động trên 4.800 người và giải quyết việc làm mới cho 36.000 người. Tăng cường quản lý nhà nước về lao động; đảm bảo các quyền lợi hợp pháp của người lao động.

Thực hiện tốt chính sách tiền lương, BHXH, bảo hiểm thất nghiệp, an toàn, vệ sinh lao động, cải thiện quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp; tích cực phát triển đối tượng tham gia BHXH. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, chính sách trợ giúp xã hội. Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả cơ chế, chính sách giảm nghèo để cải thiện điều kiện sống của người nghèo.

Triển khai các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ, bảo đảm bình đẳng thực chất giữa nam và nữ về cơ hội, sự tham gia và thụ hưởng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội. Đẩy mạnh công tác phòng, chống tệ nạn xã hội, đặc biệt là tệ nạn ma túy.

III. LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ; QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Khoa học và công nghệ

Tập trung nguồn lực khoa học và công nghệ của tỉnh cho các nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng triển khai. Trong đó chú trọng tới việc ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới, kỹ thuật tiên bộ vào các ngành kinh tế - xã hội của tỉnh, nhất là lĩnh vực nông nghiệp.

Phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học và công nghệ trên cơ sở có sự quan tâm đến các lĩnh vực công nghệ kỹ thuật số, công nghệ tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 như IOT smart, công nghệ sinh học, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ. Đồng thời ưu tiên nghiên cứu giải quyết những vấn đề có tính cấp bách của tỉnh như bảo quản, chế biến và tiêu thụ

nông sản, xây dựng nông thôn mới, giải quyết ô nhiễm môi trường, khởi nghiệp gắn với đổi mới sáng tạo.

Đẩy mạnh hợp tác với các đơn vị nghiên cứu, các viện, trường đại học trong việc nghiên cứu và chuyển giao kỹ thuật tiên bộ vào sản xuất, đời sống; đảm bảo gắn kết sự tham gia của các địa phương vào công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ nhằm phát triển đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ từ cơ sở.

2. Công tác quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên

Xây dựng và triển khai thực hiện quy hoạch sử dụng đất cấp huyện giai đoạn 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất 5 năm, hàng năm cấp huyện đáp ứng yêu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực; sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả. Tiếp tục thực hiện tốt công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, đảm bảo sát với chỉ tiêu sử dụng đất, danh mục các dự án, công trình được lập trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm với các vi phạm pháp luật về đất đai, sử dụng đất không hiệu quả.

Hình thành nguồn vốn đầu tư của các cấp nhằm đẩy mạnh công tác đấu giá quyền sử dụng đất, chuẩn bị mặt bằng sạch, tạo thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư. Tăng cường và nâng cao hiệu quả đấu giá đất khi nhà nước giao đất, cho thuê đất, khai thác khoáng sản nhằm tăng thu ngân sách từ đất.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về khoáng sản: khai thác, sử dụng khoáng sản tiết kiệm, có hiệu quả trước mắt và lâu dài; xây dựng, tổ chức thực hiện phương án bảo vệ, thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh; rà soát, bổ sung các khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật, phù hợp với yêu cầu phát triển của các ngành, các lĩnh vực.

3. Công tác quản lý và bảo vệ môi trường

Tập trung đầu tư công trình thoát nước và xử lý nước thải khu vực đô thị, ưu tiên các đô thị loại IV trở lên. Kiểm soát chất lượng không khí khu vực đô thị. Nâng cao độ che phủ cây xanh, thảm thực vật tại các khu vực đô thị, khu dân cư, tạo không gian xanh để bảo vệ môi trường.

Xây dựng và triển khai Đề án xử lý chất thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021- 2025. Tăng cường truyền thông, triển khai thực hiện việc phân loại rác thải tại nguồn, thực hiện các biện pháp xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường; có cơ chế, chính sách thu hút đầu tư các dự án xử lý rác thải tập trung có công nghệ tiên tiến, đảm bảo môi trường. Bảo vệ, gìn giữ môi trường

nguồn nước kênh, mương, ao, hồ; đảm bảo tiêu thoát nước, môi trường sinh thái khu dân cư; xử lý triệt để các điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật.

Phối hợp chặt chẽ giữa thu hút đầu tư, thẩm định dự án đầu tư với bảo vệ môi trường; đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành công trình xử lý nước thải tập trung tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các khu đô thị, khu dân cư; lắp đặt các trạm quan trắc nước thải tự động; rà soát, đánh giá công nghệ sản xuất, khuyến khích cải tiến, đưa công nghệ mới công nghệ thân thiện với môi trường vào sản xuất; không tiếp nhận đầu tư đối với các dự án có công nghệ cũ, lạc hậu gây ô nhiễm môi trường. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý những vi phạm về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

IV. LĨNH VỰC THANH TRA, TƯ PHÁP; ĐẢM BẢO AN NINH CHÍNH TRỊ TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI VÀ QUỐC PHÒNG QUÂN SỰ ĐỊA PHƯƠNG

Nâng cao năng lực xây dựng và thi hành pháp luật; phát triển hệ thống thông tin pháp luật; hệ thống đào tạo nguồn nhân lực làm công tác pháp luật. Thực hiện tốt công tác theo dõi thi hành pháp luật, quản lý xử lý vi phạm hành chính; đẩy mạnh việc xã hội hóa và nâng cao chất lượng các dịch vụ công trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; tăng cường công tác kiểm soát TTHC.

Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra; giải quyết nhanh, hiệu quả, đúng quy định pháp luật đối với các vụ việc khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở, không để tạo thành “điểm nóng”.

Thực hiện có hiệu quả chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm, kiểm chế, làm giảm các vụ tai nạn giao thông, các tệ nạn xã hội; nâng cao hiệu quả phòng ngừa, đấu tranh, trấn áp các loại tội phạm; chủ động phát hiện, ngăn chặn, đẩy lùi và làm thất bại mọi âm mưu, phá hoại của các thế lực thù địch, không để bị động bất ngờ, giữ vững ổn định chính trị trên địa bàn.

Tiếp tục chăm lo xây dựng và củng cố vững chắc nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân trong khu vực phòng thủ tỉnh; xây dựng lực lượng vũ trang địa phương chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; có chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; thực hiện tốt công tác phòng chống lụt bão - tìm kiếm cứu nạn, phòng chống cháy nổ - cháy rừng; thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội.

V. CÔNG TÁC XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN VÀ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH; CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, KINH DOANH; SẮP XẾP TỔ CHỨC, BỘ MÁY

Triển khai xây dựng và thực hiện các Chương trình, Đề án, Kế hoạch triển khai thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII và các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về phát triển kinh tế – xã hội và an ninh quốc phòng; rà soát, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách của tỉnh theo quy định của pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh; tiếp tục đổi mới phương thức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp; đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền gắn với xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm giữa các cấp chính quyền trong quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực theo quy định của pháp luật; hoàn thiện cơ chế để nhân dân tham gia giám sát hoạt động của cơ quan hành chính các cấp; nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính và chất lượng dịch vụ công, phấn đấu đạt thứ hạng khá trong toàn quốc về các chỉ số: Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), chỉ số cải cách hành chính (PAR Index).

Quyết liệt thực hiện các biện pháp nhằm cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh (PCI), tạo bước chuyển biến đột phá về giải quyết thủ tục hành chính, tạo môi trường thuận lợi, ổn định cho hoạt động đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp. Thực hiện tốt việc công khai, đầy đủ, minh bạch các tài liệu, quy hoạch, quy trình, thủ tục theo quy định của pháp luật. Xây dựng quy trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục đầu tư, kinh doanh, thuế, hải quan, bảo hiểm, đất đai, xây dựng, môi trường, phòng chống cháy nổ và các TTHC liên quan đến hoạt động kinh doanh của các nhà đầu tư, doanh nghiệp theo nguyên tắc: Rõ về quy trình và thủ tục, rõ người thực hiện, rõ kết quả và thời gian thực hiện, rõ trách nhiệm của từng cơ quan liên quan trong quy trình giải quyết. Nâng cao hiệu quả các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp; thường xuyên theo dõi, nắm bắt và giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp; đảm bảo an ninh trật tự và an toàn xã hội trong đầu tư, sản xuất kinh doanh của các nhà đầu tư, các doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; hỗ trợ doanh nghiệp bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật; hỗ trợ, đồng hành cùng với các Tập đoàn lớn đang nghiên cứu và triển khai nhanh các dự án đầu tư tại tỉnh. Có cơ chế để nhà đầu tư, doanh nghiệp giám sát việc thực hiện quy trình; đề cao và gắn trách nhiệm cá nhân người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị trong thực hiện các bước công việc thuộc trách nhiệm giải quyết của ngành, địa phương, đơn vị trong quy trình giải quyết TTHC cho nhà đầu tư, doanh nghiệp.

Xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; thực hiện có hiệu quả kế hoạch cải cách

hành chính hàng năm. Tạo bước chuyển biến rõ nét về cải cách thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính và chất lượng dịch vụ công. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh và chất lượng công tác cải cách hành chính tại các huyện, thành phố, thị xã và các Sở, ban, ngành của tỉnh.

Đẩy mạnh hiện đại hóa nền hành chính, nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý hành chính. Tập trung xây dựng và triển khai Đề án “Xây dựng Chính quyền điện tử và Đô thị thông minh tỉnh Hải Dương giai đoạn 2020-2025”.

Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; triển khai thực hiện tốt Nghị định 107/2020/NĐ-CP, Nghị định 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ về tổ chức bộ máy của các cơ quan thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện. Tiếp tục hoàn thiện Đề án vị trí việc làm; đẩy mạnh thực hiện luân chuyển vị trí công tác đối với cán bộ, quản lý và đội ngũ công chức. Nâng cao trình độ, phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; nâng cao ý thức, trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương và chất lượng phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm có đủ trình độ, phẩm chất và năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ; thu hút đội ngũ chuyên gia giỏi, nhân lực chất lượng cao.

Tiếp tục đẩy nhanh cải cách tài chính công, thực hiện tốt Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Luật phòng chống tham nhũng.

(Chi tiết về một số chỉ tiêu chủ yếu thực hiện Kế hoạch 5 năm 2016-2020 và Kế hoạch 5 năm 2021-2025 có các Phụ lục biểu kèm theo)

D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 được thông qua, các Sở, ngành, các địa phương trong tỉnh cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, những nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế, xã hội bằng các Chương trình, kế hoạch công tác của Sở, ngành, địa phương. Trong đó cần xác định rõ các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm; phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị trực thuộc trong triển khai thực hiện.

2. Các Sở, ngành, địa phương khẩn trương xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện các Chương trình, Đề án, Kế hoạch trong Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII ngay trong Quý I năm 2021 đảm bảo yêu cầu rõ về cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp

thực hiện. Tăng cường giám sát, kiểm tra; kịp thời tham mưu các biện pháp để tổ chức thực hiện có hiệu quả các Chương trình, Đề án, Kế hoạch đã được phê duyệt.

3. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh trong việc triển khai tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH đối với những nội dung thuộc trách nhiệm quản lý của ngành, địa phương. Tăng cường đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện; thường xuyên cập nhật, đánh giá, dự báo sát diễn biến tình hình, kịp thời tham mưu với UBND tỉnh chỉ đạo xử lý những vấn đề lớn phát sinh trong quá trình thực hiện.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH hàng năm và 5 năm của tỉnh; tham mưu với UBND tỉnh trong việc tổ chức sơ kết đánh giá kết quả thực hiện giữa kỳ kế hoạch trong Quý IV năm 2023.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh phối hợp với các cơ quan thành viên chỉ đạo các cấp hội trong tỉnh tuyên truyền, vận động để cộng đồng các doanh nghiệp, nhân dân nhận thức đúng và tham gia tích cực, tạo sự đồng thuận cao góp phần quyết tâm thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 đã đề ra.

Trên đây là tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, UBND tỉnh trân trọng báo cáo và đề nghị HĐND xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CV. Việt Cường.

Nguyễn Dương Thái